

25531

M21

RA NGÀY

1 và 15

HỘP THƯ : 1004

DIỆN THOẠI : 20040



40

KINH - BIỂU

BỘ MỚ I

TẠP CHÍ XÂY DỰNG XÃ HỘI VĂN NGHỆ

TRONG SỐ NÀY :

- * HOÀNG MINH TUYNH * CHÂU QUANG
- * HOÀI MINH * NGUYỄN HỮU THÁI
- * VĨNH LÔNG * NGUYỄN HỮU AN
- * NGUYỄN PHƯỚC * ĐINH CƯỜNG
- * CÔ LIÊU * BỬU UYÊN * TRẦN VINH ANH
- * QUỲNH TÂN * ĐOÀN NHƯ HIỆP



* **TRUNG TƯỚNG NGUYỄN KHÁNH TRONG CÁI THỂ CẦM CỤ**

* **DỰ ÁN NGUYỄN DU**

— QUÝ ÔNG,
— THƯƠNG - GIA.
— KỸ - NGHỆ
— NHA VẬN - TÀI.

XIN LƯU Ý !!!

«LE SECOURS»

CÔNG-TY NẠC DANH BẢO-HIỂM VÀ TÁI BẢO-HIỂM
VỐN HỘI : 15.194.000

CHI CUỘC ĐẶT TẠI TÒA NHÀ CỦA CÔNG-TY

Số 16, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Điện Thoại : 20 461

Có Đại-lý và Đại-diện khắp các tỉnh ở Việt-Nam

Nếu quý ông chưa bao giờ bảo-hiểm nơi Công-Ty này,
xin mời ông hãy đến bảo-hiểm thử một lần.

Quý ông sẽ được hài lòng như tất cả những người
đã bảo-hiểm nơi Công-Ty này rồi.

Quý ông sẽ gặp nơi đó những chuyên-viên bảo-hiểm
có kinh nghiệm và rất tận tâm. Vì Công-Ty này không khi
nào chịu hợp-tác với những cộng sự-viên liêu-linh.

Công-Ty LE SECOURS không cần phải đưa ra những
hứa-hẹn phi-thường và không thể thực-hiện (như chia lợi)
để làm vừa lòng khách bảo-hiểm của Công-Ty.

Nhưng ai cũng tin nhiệm Công-Ty này vì Công-Ty
này biết dùng tiền thu vào để bảo-vệ khách bảo-hiểm và đền
bồi tai-nạn mau-lẹ và thỏa-dáng.

Bảo-hiểm nơi Công-Ty LE SECOURS là bảo-đảm
YÊN-LÀNH cho mình.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, NGUYỄN - CÔNG - TRỨ 44,

SAIGON



HEAD OFFICE : PLAPPLACHAI BANGKOK

FOREIGN BRANCHES : LONDON — TOKYO

HONGKONG — SINGAPORE

KUALA LUMPUR — SAIGON

All banking business transacted

BANQUE FRANCO CHINOISE

POUR LE COMMERCE & L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE
AU CAPITAL de 10.600.000 F.

SIÈGE SOCIAL : PARIS 74, rue SAINT-LAZARE

VIET-NAM

SAIGON { AGENCE : 32 Đại-lộ Hàm-Nghi — Tél : 20 065
20.066 20.067
BUREAUX : 178, 180 đường Lê-thành-Tôn
(Marché central) — Tél : 22.142
— : 415-417, đường Hai-Bà-Trung
(Tân-Định) — Tél : 25.172

CHOLON : AGENCE : 386, Đại-lộ Đồng-Khánh
(Cholon) — Tél : 38.105

KHANH-HUNG : AGENCE : 23, đường Hoàng-Diệu

FRANCE : PARIS — LYON — MARSEILLE —
MONTEPELLIER

CAMBODGE { PHNOM - PENH — BATTAMBANG
KOMPONG - CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE — TAMATAVE

Correspondants dans le MONDE ENTIER
Location de Compartiments de Coffre-Forts
par l'agence de Saigon

DENIS FRERES S.A.

SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 250.000.000 FRCS CFA

N° 4, Rue Tự-Do — SAIGON

SOCIÉTÉ ANONYME POUR LE RIZ ET L'INDUSTRIE

AU CAPITAL DE 30.000.000 FRCS CFA

N° 147, Rue Trĩnh-mĩnh-Thĩ — SAIGON

IMPORT — EXPORT

Transports maritimes et aériens
Passages — Frète

LLOYDS AGENTS — COMMISSARIAT D'AVARIES

Correspondants à :

PARIS — BORDEAUX — MARSEILLE — LYON —
LONDRES — NEWYORK — BANGKOK — HONG-
KONG — TOKYO — SINGAPOUR — ALGER
CASABLANCA — TANANARIVE — TAMATAVE —
MAJUNGA — PHNOM PENH — VIENTIANE

MAI

Trong
số
này

CHÍNH TRỊ

- * TRUNG TƯỚNG NGUYỄN KHÁNH TRONG CÁI THỂ CẦM CỰ

KINH TẾ

- * LUẬN VỀ CÁC CƠ SỞ KINH TẾ CÓ SỰ THAM DỰ TÀI CHÁNH CỦA QUỐC GIA.

VĂN NGHỆ

- * TƯỢNG NGÃ TRÊN ĐƯỜNG ĐỐC.
- * THUNG LŨNG NGƯỜI ĐI LƯƠNG
- * CHỦ NGHĨA THỰC DÂN PHÁP Ở V.N.
- * MODIGLIANI MỘT ĐỊNH MỆNH BI THẢM VÀ TRÁNG LỆ

KHOA HỌC

- * NỀN Y HỌC HÌNH THẦN.
- * SINH VIÊN
- * THỬ TÌM LẤY HƯỚNG ĐI CHO CÁC ĐOÀN THỂ THANH NIÊN S.V. S.H TRONG HIỆN TÌNH ĐẤT NƯỚC.
- * THỬ ĐẶT LẠI VẤN ĐỀ GIÁO DỤC.
- * CON NGƯỜI ĐỨNG TRƯỚC TƯƠNG LAI

VÀ CÁC MỤC

THƠ, GIẢI TRÍ V.V.



Tạp chí « MAI »

ra ngày 15-4 1964

80 Hồng Thập Tự, Saigon

Hộp thư 1.004

Bộ Biên tập và Ban tự sự
254 B Phan đình Phùng, Saigon

NHẬN ĐỊNH THỜI CUỘC

Trung Tướng NGUYỄN KHÁNH

TRONG CÁI THỂ CẦM CỰ

Châu Quang và Hoàng Minh Tuấn

✓ Ở 1 một loạt biện pháp do HDQĐCM tung ra cùng lúc Ô. Hà thúc Ký, Tổng trưởng Nội vụ, từ chức vì « Không có quyền », báo chí bỗng khởi sắc lên với những bài tham luận mà Trung Tướng Nguyễn Khánh (với những chức vụ Chủ tịch HDQĐCM, Tổng tư lệnh tối cao, Thủ tướng Chính phủ) là một trong những « trọng tâm » vấn đề. Chúng tôi cũng mong góp vào vài ý kiến đơn sơ...



Có bốn dữ kiện trội yếu tạo nên những điểm tựa cho cái thể của Trung tướng Nguyễn Khánh trong hiện tại là :

— Chính phủ Mỹ đang triệt để ủng hộ ông : với kinh nghiệm của hai lần thay đổi chính phủ ở đây, chính phủ Mỹ không muốn có một cuộc thay đổi nào khác vì nếu lần này xảy ra, chắc chắn cộng sản sẽ hưởng lợi nhiều hơn.

Lại nữa, từ đây cho đến lúc dân chúng Mỹ đi bầu Tổng thống, đảng Dân chủ Mỹ cũng như đảng Cộng Hòa đều không muốn vấn đề Việt Nam (ở nơi này hàng ngày, quân đội Mỹ có đóng góp nhân mạng) nổi bật lên khiến phải đưa nó vào hàng những vấn đề then chốt của chương trình tranh cử (như vụ chiến tranh Triều tiên đạo nọ). Nói rõ hơn, hai đảng lớn ở Mỹ vì cùng theo đuổi chung một mục đích ở vùng Đông nam Á, cùng chia sẻ trách nhiệm về vấn đề tình hình miền nam Việt Nam nên muốn ở đây « ổn định », ít nhất trong vấn đề nội bộ của chính quyền VNCH, để trấn an nhân dân Mỹ.

Mặt khác, Mỹ không muốn nhân một vụ thay đổi, sự bất đồng ý kiến với đồng minh thêm sâu sắc. Trong số nước đồng minh hiện có nhiều quan điểm dễ biệt với Mỹ đáng kể là Pháp với chính sách trung lập hóa miền Đông Nam Á.

Và chẳng, Trung tướng Nguyễn Khánh với chương trình « cứu quốc, kiến quốc » của ông chắc đã rất trùng hợp với quan-điểm của Mỹ nên với chính-sách « ủng hộ nhân vật », Mỹ đã tín-nhiệm ông.

— Hội đồng Quân đội cách mạng là hậu thuẫn của Ông : Sau cuộc chỉnh lý 30-1, Trung tướng Nguyễn Khánh đã thanh lọc hàng ngũ quân đội, kể từ cấp tướng lĩnh, và thành lập một Hội đồng mới lấy tên là Hội đồng Quân đội Cách Mạng. Với số thẩm tín nhiệm mà Hội đồng này đã dồn hết cho ông (chỉ riêng có ông bỏ phiếu trắng), hiện nay ông chưa « gặp » một đối thủ công khai nào.

Một mặt khác, HDQĐCM đã quen dần việc làm chính trị, cho nên với ban Chỉ Đạo, Hội đồng đã sinh hoạt như một cơ quan tối cao của một chính đảng nắm chính quyền trong một chế độ độc đảng : Hội đồng giải quyết mọi vấn đề bằng sắc luật, sắc lệnh... Điều này tạo thuận lợi rất nhiều cho việc cầm quyền của Trung tướng Nguyễn Khánh.

— Chưa có một khối đối lập thực sự: Một khối đối lập thực sự khi nó có đủ uy tín để can thiệp chính quyền lúc cần, và nhất là sẵn sàng « người » cùng « chính sách » và « chương trình » để khi lịch sử gọi đến là nhận lãnh trách nhiệm ngay. Hiện tình chính đảng ở đây chưa có đảng nào, hay một liên minh những đảng nào, khả dĩ tạo được cái khối đối lập kia, rất cần thiết trong một sinh hoạt dân chủ ! Các đảng hiện đang lo củng cố nội bộ và lo phát triển cơ sở. Có những đảng đưa người vào tham dự chính-phủ Nguyễn Khánh, ngoài những mục đích công khai

NỀN Y HỌC HÌNH THẦN BỆNH LÝ

(médecine psychosomatique)

CÔ LIÊU

CÁI nhìn của nhà bác học trong y khoa hình thần bệnh lý thống hợp hai quan niệm về tâm thần (psyché, và hình thể (soma). Danh từ psychosomatique dùng để chỉ ngành y học hình thần bệnh lý dung hợp hai chữ psyché và soma.

Ý thức về psyché đã có từ ba ngàn năm trước kỷ nguyên triết gia Aristote đã từng luận về tâm thần tư tưởng của ông sau này được các triết gia Ki-Tô giáo tham khảo để dựng nên thuyết siêu việt tính.

Y học hình thần bệnh lý cố gắng tìm hiểu bệnh lý trên toàn thể các phương diện hình thể tâm thần, xã hội và văn hóa.

Đối với ông tổ y học Tây Phương Hippocrate thì bệnh là sự phản ứng của con người trước điều kiện sinh hoạt. Hình thể và tâm thần người bệnh đều được xem xét đến «tạng» người, sự phản ứng và nhược điểm của người bệnh cũng có tầm quan trọng như bệnh trạng, tuy nhiên người ta không quên yếu tố ở ngoài xâm nhập vào cơ thể là con vi trùng.

Trái lại nền y học của Cnide chỉ chú trọng đến phương diện «vật chất», phương diện «máy móc» của bệnh tật; bệnh là một vấn đề vi trùng ký sinh, một vấn đề cơ thể bị hủy hoại, làm cho người bệnh mất hẳn thể quân bình thường nhật.

Lịch sử y học Tây Phương trong mấy thế kỷ gần đây là lịch sử của sự khai triển hai quan niệm khác nhau nhưng không thể cho là đối nghịch nói trên. Từ thế kỷ thứ 18 đến thế kỷ thứ 19 quan niệm của Cnide thắng thế, và đầu thế kỷ 20 có thể coi là thời kỳ toàn thịnh của học thuyết Cnide. Nhưng chính giữa thời kỳ toàn thịnh ấy, các ngành khoa học khác thiên về khuynh hướng tổng hợp và chống lại khuynh hướng phân tích quá đáng, bởi vậy y học cũng bắt đầu chuyển hướng và trở lại chú trọng

đến những thuyết dịch trấp, thần kinh hạch v.v.

Cảm xúc có liên hệ gì tới bệnh trạng ?

Tiến triển của nền y học dần dần làm xuất hiện một quan niệm cách mạng về bệnh lý : một cảm xúc có thể coi như một nguyên nhân bệnh trạng cũng như vi trùng hay nguyên nhân vật chất khác. Cảm xúc có thể làm rối loạn thần kinh khiến cho cơ quan trong người (như tiêu hóa, bài tiết, hô hấp, tuần hoàn v.v) làm việc không điều hòa. Cảm xúc ấy càng mạnh và càng lâu bao nhiêu, hậu quả của nó càng đáng sợ. Hẳn là đối với mỗi người, ảnh hưởng của cảm xúc mỗi khác, có những người dễ cảm xúc quá mức bình thường, cũng có những người thần kinh chắc chắn hơn. Người thuộc loại hướng ngoại (extraverti theo thuyết tâm lý bề sâu của Jung) phản ứng với cảm xúc khác người thuộc loại hướng nội (intraverti).

Con người ta hầu như bất lực trước ảnh hưởng sinh lý của cảm xúc vì lực phủ ngũ tạng tác động một cách «tự trị» không theo ý muốn của ta, ta có thể cương quyết ngăn cản một hành động của tay chân một ý nghĩ đen tối, nhưng lòng cương quyết của ta không thể làm gì được cho phủ tạng của ta. Cái khổ là người ta dùng phủ tạng làm nơi trút bỏ những gánh nặng cảm xúc. Người sống theo thiên nhiên, khi tức giận thì hung hãn, cử chỉ và hành động ấy giải thoát nộ khí, một cách trút bỏ cảm xúc theo đường lối thiên nhiên. Nhưng người cố nén giận để giữ bình tĩnh, không làm gì để giải thoát nộ khí, nộ khí đó bị giam cầm, tìm cách thoát ra phủ tạng. Loại người này tuy bề ngoài bình tĩnh nhưng sẽ lãnh đủ hậu quả tai hại cho cơ thể sợ hãi phần ưất phiền muộn, ham muốn không được thỏa, những tâm

trạng đó bị cấm giữ và dồn nén gây nên một trạng thái căng thẳng kinh niên, hậu quả tai hại là xáo trộn những tác động của phủ tạng. Đời sống xã hội ngày nay, con người bị bó buộc trong những ước lệ và kỷ cương phiền toái nên cảm xúc không có phương tiện thoát ra bằng những hành động và thái độ tự nhiên, bởi vậy số người cần não suy nhược tăng gia, số bệnh trạng có nguyên nhân hình thần bệnh lý cũng càng ngày càng nhiều. Nhiều khi người ta không nhận định được những nguyên nhân tinh thần tạo ra bệnh trạng đó nên không thể tự vệ bằng cách trốn tránh hay kháng cự, những nguyên nhân đó âm thầm trong tiềm thức con người, bởi vậy chúng càng thêm phần độc hại.

Những cuộc nghiên cứu đầu tiên về hình thần bệnh lý

Năm 1925, tại Vienne bác sĩ Schwarz tuyên bố rằng triệu chứng một bệnh không những chỉ là dấu hiệu bề ngoài của bệnh, mà nó còn là tiếng nói của phủ tạng, phản chiếu những khuynh hướng thâm sâu của cá tính người bệnh. Thầy thuốc phải tìm xem triệu chứng bệnh còn tượng trưng cho những mâu thuẫn, những xung đột nội tâm nào. Bệnh trạng liên hệ mật thiết với cả cuộc đời người bệnh.

Dần dần nhiều cuộc nghiên cứu kế tiếp đưa thêm ánh sáng vào. Năm 1933, Mittelmann công bố những kết quả khảo cứu về yếu tố tâm thần của bệnh hạch thyroïde lớn quá (hyperthyroidisme) và bệnh tim đập mau quá (tachycardie). Năm 1937 Wolff nghiên cứu những nguyên nhân tâm thần của bệnh đau thống. Năm 1942 Mittelmann và Wolff chứng minh rằng những cảm xúc mạnh làm cho từ tiết ra nhiều vị toan.

Năm 1943 hai nhà bác học S.Wolff và H.Wolff công bố một thiên nghiên cứu quan trọng về «Trương Hợp Tơ» Tom là một người bị bệnh ung thư bao tử vì một tai nạn. Bệnh nhân vẫn sống với cái bao tử ung thư ấy, người ta có thể xem xét bên trong bao tử. Nhờ trương hợp đặc biệt này người ta biết được hai sự kiện rất quan trọng đối với y học.

— Trước kia người ta tưởng rằng bệnh ghê lở bao tử là chỉ bởi những chất hóa học gây ra mà thôi, bây giờ người ta mới biết những chất hóa học đó thoa lên da người bệnh còn làm hại hơn là đổ vào màng bao tử có sức chịu đựng hơn nhiều.

— Sự kiện thứ hai quan trọng bậc nhất : tức giận và nổi xung làm màng bao tử sưng lên, vận động mạnh hơn, có khi bị xây xát nhỏ, trái lại sợ hãi, lo lắng làm bao tử te liệt.

Phân tâm học cũng giúp tài liệu cho hình thành bệnh lý

Freud nghiên cứu các bệnh thần kinh đã bác nhíp câu nối liền tâm thần với hình thể con người, công việc nghiên cứu tâm lý sinh thành (psychogénèse) của ông cũng quan trọng. Theo cách nhìn ấy thì những bệnh thuộc loại hình thần bệnh lý đều được coi như những rối loạn tâm thần chuyển hoá sang lãnh vực hình thể. Weiss và English có nói «dục vọng có bị dồn nén có thể tạo ra những rối loạn trong cơ thể» Câu nói này nêu lên ý niệm về sự chuyển hoá những rối loạn từ lãnh vực tâm thần sang lãnh vực hình thể.

Freud đã phân tích sự chuyển hoá ấy : một xung đột nội tâm gây nên một trạng thái dao động tâm thần, dao động ấy tìm lối thoát sang lãnh vực hình thể, người ta hết thấy dao động khi những triệu chứng bệnh hình thể bắt đầu xuất hiện. Sự chuyển hoá ấy xảy ra âm thầm trong tiềm thức, trí thức không thể biết được, sự chuyển hoá ấy tác động như một hệ thống phòng vệ chống lại những xúc động tâm thần. Tiềm thức trút được gánh nặng ấy đi là đầy đủ bản phân, nó chọn một cơ quan nào để trút gánh nặng, nó vâng theo một mục đích tối hậu nào đó, nhưng tất cả những sự kiện này còn trong vòng tối tăm mờ mịt, khoa học chưa thể biết được.

Tuy nhiên, ta nhận thấy thuyết tâm lý sinh thành trên đây có cái gì thái quá : người ta sẽ đi đến chỗ gán

cho những cơ thể bệnh một ý nghĩa đặc thù. Một vài nhà phân tâm học muốn vượt ra ngoài khuôn khổ thuyết tâm lý sinh thành của Freud. Alexander cho rằng tạng phủ nhuộm bệnh không phải là diễn tả lại xúc động tâm thần dưới hình thức khác, nhưng là một cách phản ứng, một cách đối phó với những trạng thái xúc động. Sự chuyển hoá mà Freud nói đến có mục đích trút bỏ một tình trạng căng thẳng vì xúc động, việc này xảy ra trong khu vực não - bắp thịt những bắp thịt vâng theo ý muốn của ta hay dùng để cảm giác xúc động chuyển hoá, từ hình thức dao động dây thần kinh sang hình thức cử động bắp thịt như nắm tay, nắm đá, la hét trợn trướng còn bệnh thần xác bệnh lý là trương hợp bệnh loạn ở những bắp thịt trơn (muscles lisses), những bắp thịt này điều động tạng phủ một cách tự do, không vâng theo ý muốn của ta.

Ngoài thực tế người ta cũng không thấy một cơ quan tạng phủ nhuộm bệnh phải có một ý nghĩa đặc thù nào. Có lẽ tốt hơn hết nên nói rằng một xúc động tâm thần có thể gây ra bất cứ bệnh gì, và chính cơ quan nào trong mình ta yếu nhược sẽ là mảnh đất thuận tiện cho bệnh xuất hiện.

Một bệnh không thể nào chỉ quy về một nguyên nhân tâm lý sinh thành (Psychogénèse), ít khi bệnh là hình thức vật chất của một rối loạn tâm thần thuần túy ; bệnh phát sinh ở điểm gặp gỡ của các bình diện thể chất, sinh lý, tâm thần trong người, ở điểm ấy thể chất, sinh lý và tâm thần còn là một khối chưa phân hóa.

Sự liên lạc giữa các bệnh thuộc loại hình thần bệnh lý và tính tình con người

Phân tâm học còn chứng minh sự liên lạc mật thiết giữa bệnh trạng và tính tình người bệnh, tuy nhiên ông tổ y học Tây Phương là Hippocrate cũng đã đề cập đến điểm này. Cuộc khảo cứu của Dunbar và Alexander người Mỹ đưa ra một bảng kê những loại người nào hay mắc những bệnh nào. Marty và Faïn người Pháp tiếp tục công việc nghiên cứu ấy sau đây là một vài thí dụ : người đau bao tử là người mà lúc thơ ấu, thời kỳ chưa phát triển tâm tính, thời kỳ dục tính còn ở thể tiềm tàng, bị tước đoạt mất cái gì quan trọng đến nỗi để lại vết tích trong tâm thần như thói quen bị xa mẹ rất lâu, phải thôi bú

sớm ; người ho lao là người khao khát ái tình. Người bị cương huyết áp luôn luôn có những ác cảm mãnh liệt họ cố che giấu và bất lực. Bệnh là một cách đối phó với tình thế, ho lao tiêu biểu cho sự thoái lui, cương huyết áp tiêu biểu cho sự tranh đấu. Selye nghiên cứu vấn đề này dưới nhãn quan khác, đã đi đến những kết luận như : người ho lao là người thất bại vì không thích ứng được với cuộc đời, người đau bao tử là người thích ứng một cách quá đáng. Ta nhận thấy sự kiện không thích ứng được với cuộc đời có liên lạc đến sự thoái lui, và sự kiện thích ứng quá đáng liên lạc với sự tranh đấu.

Nhược điểm của thuyết trên đây là bảng kê của Alexander không chuẩn xác và rườm rà chỉ tiết vô bổ, một loại người có thể áp dụng cho nhiều bệnh rất khác nhau, rút cuộc không biết loại người nào hợp với loại bệnh nào.

Tuy nhiên việc khảo cứu có giá trị một cố gắng xét đến toàn thể cuộc sống và cá tính người bệnh, nhất là cho rằng trong vấn đề phát sinh bệnh, « mảnh đất » cũng quan trọng như « hạt giống », có những người có thể chất thuận tiện cho sự phát sinh những loại bệnh nào đó (quan niệm rất xưa nhưng nay được chứng minh bằng những thống kê cụ thể).

Những thuyết mới

Kết quả của những công cuộc khảo cứu trên đây là làm nổi bật hai yếu tố :

— Cảm xúc tác động đến cơ sở thần kinh tự động điều khiển tạng phủ.

— Sự chuyển hoá của một xúc động từ lãnh vực tâm thần sang lãnh vực hình thể.

Một vài bác học còn nói đến một hiện tượng « thoái trào », nghĩa là người bệnh trở về một trạng thái đời sống sơ thủy lúc thơ ấu, tâm thần và hình thể còn nguyên một khối chưa phân hóa, phản ứng của tâm thần cũng là phản ứng của hình thể. Thực ra không có sự thoái trào trong tâm thần người bệnh vì tâm thần của họ vẫn là tâm thần đã trưởng thành ; chỉ có thể nói rằng một bệnh thuộc loại hình thể bệnh lý gây ra những phản ứng theo vết tích những phản ứng của đời sống sơ khởi chưa phân hóa thần và hình, nhưng chỉ trên bình diện hình thể và thôi, tâm thần họ không bị ảnh hưởng

(xem tiếp trang 34)

Chủ-nghĩa thực-dân Pháp ở Việt-Nam

THỰC - CHẤT & HUYỀN - THOẠI

QUYỂN I : VĂN - HÓA VÀ CHÍNH - TRỊ

Tác - giả : NGUYỄN VĂN TRUNG

QUYỂN TÂM

II

(Xem MAI từ số 39)

LƯỢC qua nội dung tác phẩm, chúng tôi thấy tác giả nêu ra nhiều vấn đề mà tác giả « mong gây được những thắc mắc làm khởi điểm cho những cuộc bàn cãi, tìm kiếm sâu rộng hơn sau này ». Những ý kiến chúng tôi sắp trình bày — không biết có thể gọi là những thắc mắc hay không — không nhằm « tìm kiếm sâu » nhưng mong rằng, một phần nào, góp phần vào « cuộc bàn cãi rộng ». Trong công việc này, chúng tôi được khích lệ rất nhiều bởi những lời sau đây của tác giả, viết trong LỜI TỰA : « Tác giả muốn được co như một người đi đường trong cuộc hành trình tư tưởng. Với người đi đường, tất cả những gì mình thấy, đều chỉ là nhận định, những giả thuyết, những đầu đã khơi mào câu chuyện, luôn luôn có thể xét lại hay xóa bỏ đi ».

Chúng tôi cũng thấy cần nhắc lại rằng, chúng tôi là những thanh niên sống và lớn lên trong chiến tranh — cuộc chiến tranh kéo dài đó, hiện nay về hình thức vẫn là cuộc chiến tranh địa phương, một cuộc nội chiến, nhưng hơn lúc nào hết, đậm đà màu sắc quốc tế. Cũng vì thế, chúng tôi đã quen thói đề đặt (có lúc quá đáng đến nhu nhược) nên khi trình bày, tư tưởng thường hay bị gián đoạn, sự gián đoạn ấy càng rõ ràng hơn khi VIẾT chứ không phải là NÓI. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn cố gắng, trong những giới hạn ngoài ý muốn, đề tỏ bày những ý kiến của mình chung quanh những vấn đề mà tác giả quyển sách đã nêu ra.

CHỦ-NGHĨA THỰC-DÂN ĐÃ CÁO CHUNG ?

VÀ NHIỆM-VỤ NHẪM CHẤM DỨT CHẾ ĐỘ THỰC-DÂN ĐÃ HOÀN THÀNH ?

Mở đầu LỜI TỰA, tác giả tuyên bố « Chế độ thực dân đã cáo chung ở Việt Nam và đang chấm dứt hầu hết các thuộc địa trên thế giới. »

Ở một trang khác, tác giả viết « Người Âu châu bây giờ đã hiểu, không còn ai nổi bật hay dám bênh vực chế độ thực-dân bằng những « huyền thoại » nữa. Do đó sự suy nghĩ về thực dân và những huyền thoại của nó ở đây không nằm trong một chủ đích tranh đấu nhằm chấm dứt chế-độ thực dân và tiêu diệt những huyền thoại của nó, vì bây giờ nhiệm vụ tranh đấu đã hoàn thành và chế độ thực dân không còn nữa. Sự suy nghĩ dưới đây (trong khắp tác phẩm) chỉ là một nỗ lực nghĩ đến cứu vãn một vấn đề văn hóa bao hàm một ý tưởng nhân bản ; do đó tính chất của công-trình biên khảo này là

một suy tưởng triết lý, tuy vẫn dựa vào lịch sử. Tôi có ý nói rằng tôi không phải là một nhà sử học, nhưng chỉ muốn căn cứ vào lịch sử để thử nhìn một vài vấn đề về con người trong một viễn tượng triết lý, nghĩa là trong những chiều hướng đạt tới những khía cạnh sâu xa và trường tồn nhất của con người (trang 16) (1)

Khi chúng tôi đọc từ Lời Tựa quyển sách đến những dòng của trang 16 này, chúng tôi chỉ có mỗi một « thắc mắc », đúng ra là chúng tôi muốn đặt ra một câu hỏi với tác giả, là phải chăng chủ nghĩa thực dân đã cáo chung và và nhiệm vụ chống thực dân của chúng ta đã hoàn thành ?

Rồi đến khi đọc xong quyển sách, kể cả phần chú thích (2), chúng tôi đọc lại những dòng đã trích, thì lại thêm

(1) Những chữ in đậm là do chúng tôi muốn nhấn mạnh

(2) Phần chú thích ở cuối quyển sách (trang 310-312) nêu lên bao vấn đề : Vấn đề bạo động (lịch sử chỉ là bạo động ? bạo động là một sự xấu cần thiết ? Làm sao thoát khỏi bạo động ?) Vấn đề huyền thoại (huyền thoại tiêu cực, phản động và huyền thoại tích cực, tiến bộ. Nhân loại vẫn sống bằng huyền thoại ?) vấn đề dụng ý chính trị của thực dân bao hàm trong những đường lối, nhận định về văn hóa Việt Nam.

(Xem tiếp trang 32)

MODIGLIANI

MỘT ĐỊNH MỆNH BI THÂM VÀ TRẮNG LỆ

• CARA, CARA, ITALIA •

CHÀNG đã đến Paris. Chàng đã ở đó, mùa xuân trên đồi Montmartre, những tầng cấp cao đi lên. Chàng mặc bộ veste velours, cổ choàng khăn đỏ. Dáng bộ của chàng thật hào hoa, thật thơ. Hai mắt sâu đen đa tình, tóc quăn lòa xòa xuống trán, với khuôn mặt nhỏ nhả — ses cheveux noirs corbeau entourent un front puissant; rasé de près sur le menton une ombre bleue sur sa figure d'albâtre — Zadkine đã tả chàng như thế. Chàng đã bỏ lại Florence, Rome Naples, Capri và Venise, những nơi đã in dấu chân thời trẻ dại của chàng. Chàng đã lớn lên và chàng đã bỏ đi. Chàng chọn Paris sống và chết ở đó — Paris của thời 1900, thời sa đọa và truy lạc — une génération perdue, thời của « trường hoàng hôn » (l'école crépusculaire), của tạp chí La Voce, của những nghệ sĩ đã chết trẻ vì phung phí sức mình Guido Gozzano chết vì bệnh lao, Sergio chết lúc 20 tuổi, Federico Tozzi chết nghèo đói Dino Campana lang thang rồi chết vì điên. Một nhà phê bình đã định nghĩa cho cái thế hệ đó : « như một tuổi trẻ bi thảm » mà thiên tài không được đời dung thứ (tragique jeunesse, où le génie pousse à l'intolérance envers la vie) Họ chọn cuộc sống lang-bạt—la bohème. Họ thường lui tới giữa Montmartre và Montparnasse. Giữa góc đại lộ Raspail và đại lộ Montparnasse, Paris đã đón tiếp biết bao nghệ sĩ từ phương xa lại. Trong đó có Modigliani. Họ đến đó rồi bắt đầu cho một cuộc sống trong bóng tối, với rượu, với thuốc phiện, với gái với những « sourds drames nocturnes » như Modigliani đã ghi lại trong thơ chàng ; Modigliani còn là một thi sĩ. Dáng người của chàng là thi-sĩ. chàng cao lớn nhưng bệnh hoạn, suốt thời ấu thơ đã kéo dài những chuỗi ngày nằm bệnh. Lúc còn học ở Lycée Livourne năm

11 tuổi đã bị sưng màng phổi, ba năm sau lại bị thương hàn phải ở nhà khá lâu. Tuy vậy chàng vẫn cố gắng thi đỗ Bacc. Và xin vào atelier của Họa sĩ Micheli trường Mỹ thuật Livourne, ở đây chàng lại bị nám phổi, phải đi nghỉ mát ở các tỉnh Florence, Naples, Capri... Cũng trong năm đó một họa sĩ danh



tiếng qua đời là Toulouse Lautrec và Picasso đang bắt đầu « Thời kỳ xanh ». Tháng 5 năm 1902 chàng ghi tên vào học trường Mỹ thuật Florence, tháng 3 năm sau lại đổi qua học trường Mỹ thuật Venise.

Quên nhắc là chàng sinh tại Livourne, ngày 12 Juillet 1884. Con thứ tư của ông Flaminio Modigliani và bà Eugénie Garsin, Modigliani là tên của một tỉnh nhỏ góc gác của gia đình chàng, một gia đình khá giả gốc Do-Thái ở miền Bắc nước ý. Cha chàng làm chủ nhà buôn than và da thú. Năm chàng sinh ra thì Nietzsche đã nổi tiếng với Ainsì parlait Zarathoustra và Par delà le bien et le mal (1886).

ĐÌNH CƯỜNG

Đầu năm 1906 chàng đến Paris. Lúc đó vừa 22 tuổi. Như một kẻ lạ, còn ngờ ngàng, nhưng trong thâm tâm chàng luôn nhắc nhở chàng phải nổi tiếng tại thành phố này. Ban đầu chàng ở trọ tại đường Caulaincourt cạnh Bateau—Lavoir. Chàng bắt đầu theo dõi sinh hoạt của các họa sĩ mà chàng biết tiếng. Chàng tìm đến Picasso đầu tiên. Chàng gặp Picasso ngoài đường, rồi làm quen rồi tự giới thiệu, rồi kéo nhau vào quán rượu nhỏ ở đường Godot de Mauroy nói chuyện với nhau hàng giờ. Chàng và Picasso hoàn toàn khác biệt nhau và sau này cũng rất ít gặp ; chính Picasso đã khuyên chàng đến Montmartre nơi họp mặt của hầu hết nghệ sĩ (xóm này hiện nay không còn như thời kỳ đó nữa). Bấy giờ Picasso còn là một họa sĩ nghèo. Modigliani thì còn sống nhờ mamdat ở nhà từ Ý gởi qua. Theo lời khuyên của Picasso chàng từ giả khu Madeleine rộn rịp để đến ở Montmartre. Chàng thuê một căn phòng nhỏ, cạnh phòng của Picasso và Max Jacob để làm atelier. Chàng bày biện thật noble trái với sự hỗn độn đen tối của hai phòng kia. (Một căn phòng thôi để làm việc, mà chính bây giờ ở Saigon này chúng tôi đều ước mơ. Hạnh phúc rất nhỏ ở đó. Những ngày tôi nằm ở phòng Cung nóng bức, với tấm tapis xanh dương, bình hoa hồng khô ; những ngày Sơn đi tìm một căn phòng không có, Sơn luôn bệnh vì không được yên ổn từ vật chất đến nơi trú ngụ ; tôi tiếc căn phòng ở Bao Vinh mà tôi phải giả từ — căn phòng nằm giữa khu vườn hoang mà tiếng gõ cửa nhẹ của Nh. cũng làm tôi giật mình.) Tranh của chàng xếp la liệt dưới sàn gạch hay úp vào vách tường, chàng không thích cho ai xem vì biết nét vẽ của mình còn tầm thường. Nhưng mỗi lần chàng nằm xuống nghĩ trư, nhìn



lên những họa phẩm in trong sách mà chàng đã cắt ra dán vào tường, những họa phẩm của Raphael, Michel Ange, những vần thơ của Dante chàng lại thấy phần khởi kỳ lạ. Chắc hẳn chàng sẽ như họ. Chàng đã dấu trong chàng nỗi buồn thâm mọt, đó là bệnh lao đã theo đuổi chàng từ thuở nhỏ không sao chữa lành. Những lúc sức tình chàng đã nghi ngờ mình trước giá vẽ. Để trấn tĩnh lại, chàng tìm đến từng quán rượu để say, để quên và để thấy mình cô độc (ôi Hoàng-trúc-Ly) Tại quán Lepic, buổi chiều chàng gặp Utrillo, một họa sĩ người Ý và sau này cũng nổi tiếng như chàng. Utrillo cộc cằn và có vẻ phàm phu. Chàng say mèm, đọc thơ. Chàng thuộc lâu từng đoạn trong quyển « Divine Comédie ». Utrillo thì chẳng thích thơ và thích uống rượu hơn vẽ. Modigliani đã liệng mấy đồng quan cho Utrillo uống, rồi mỗi người cặp 1 chai rượu đi nhau ngả nghiêng về phía gare Saint Pierre, rồi bị mời vào bót ngủ suốt đêm. Giai đoạn này chàng bắt đầu bẽ tha quá độ. Gia đình không còn gửi ngân phiếu đều cho chàng nữa chàng bắt đầu buông xuôi và ít vẽ. Chàng uống rượu mạnh hơn. Giai đoạn mà chàng mất cả lòng tự tin và vô vọng nhất. Chàng chán tất cả? Kể cả những thiếu nữ quanh vùng say mê chàng,

những Gilberte bầm riết, muốn có con với chàng, những Lola mỗi đêm đến trước cửa ngời đợi chàng về, và cả những nàng Marcelle, Gaby, Lulu, Raymonde... chàng cũng chán cả Utrillo người bạn cộc cằn, vô học. Chàng tiến mạnh hơn trên đường truy lạc: Chàng bắt đầu làm quen với thuốc phiện rồi nghiện ngập thân xác của chàng lại một lần nữa đem ra thử thách. Chàng bắt đầu vào nhóm Họa sĩ Độc lập (Les Indépendants) và tìm hướng đi cho mình. Lúc đó trường lập thể của Picasso và Braque đang bành trướng nhưng không thu hút được chàng.

Năm 1908 chàng bày tranh lần đầu ở Salon des Indépendants, tác phẩm « La Jutve » và 4 họa phẩm khác đã làm cho bác sĩ Paul Alexandre hết sức chú ý và trở thành tri kỷ của chàng. Nét vẽ và màu sắc của Modigliani bắt đầu trở nên độc đáo. Chàng dời nhà qua cư xá Falguière và kết bạn với Brancusi, một nhà điêu khắc người Ý cũng sống hết tốc độ và thuộc lâu « Divine Comédie » như chàng, ở cư xá này chàng làm việc nhiều hơn, vẽ và nặng tượng. Chàng bày thêm những bức mới « La Mendiante », « Le Joueur de Violoncelle », « Le mendiant de Livourne ».

Chàng kết thân thêm với **Léopold Zborowski** — thi-si trẻ người Ba Lan chính Zbo đem tranh chàng đi bán và Paul guillaume đã mua rất nhiều tranh của chàng. Nhưng Zbo lại hay đánh bạc nên có hôm bán tranh được nhiều Zbo lại thua hết ở sòng bạc.

Thời gian này, khoảng 1914, một mối tình đã đến với chàng hết sức thơ mộng: đó là nàng **Béatrice Hastings** do Zadkine giới thiệu, nàng là một thiếu nữ người Anh, quý phái và duyên dáng Modigliani đã bị thu hút ngay bởi vẻ đẹp thâm-kín thanh cao khác hẳn với cái vẻ thô tục của các nàng tình nhân một đêm với chàng. Mắt chàng sáng lên khi được Béatrice ca-tụng. Hai người bắt đầu không rời nhau. Lần đầu tiên trong đời, chàng thấy bổ thẹn khi đưa Béatrice về cái atelier chật hẹp của chàng.

Rồi từ đó bao nhiêu bức tranh mang bóng dáng nàng, những bức khỏa thân với tất cả say đắm trong tình yêu, cái thiên đàng xác thịt đã nhường lại cho cái vẻ đẹp cao quý của Béatrice. Có thể nói linh hồn tranh Modigliani lúc đó

là Béatrice — Béatrice Hastings — Từ một chiếc cổ thon cao, từ một mái tóc thắc bím, từ một đôi mắt mơ màng — tất cả là của Béatrice. Béatrice là một nữ thi sĩ chưa hề cho ai đọc thơ của mình, Chàng thì mến thơ Dante còn nàng thì yêu chuộng thơ Milton. Mỗi buổi tối chàng đưa nàng đi dạ vũ. Có hôm Béatrice không chịu mặc áo sọc đen cũ; vì thương yêu vợ, mà tiền bán tranh thì đã bị Zbo thua bạc, chàng đã lấy mực vẽ hoa lên áo nàng, những cánh hoa kỳ lạ và lộng lẫy. Khi Béatrice đến phòng dạ hội mọi người đều chiêm ngưỡng nàng với chiếc áo đó — chàng đã hành diện — thiên tài đã ở trong chàng — từ nợ túng thiếu, từ sự bẽ tha, từ những cơn hành hạ của ma-túy, chàng vẫn vẽ tranh không ngừng. Béatrice đã giúp đỡ chàng, biến đổi căn phòng chật hẹp thành một thiên đường. Những bức « Le Marié et la Mariée », « Madame Pompadour », « La Belle épicière », « La Servante » với vô số các bức họa khỏa thân tuyệt diệu, các chân dung kỳ lạ của Kisling, Max Jacob, Blaise Cendrars, Soutine, Paul Guillaume, Jean Cocteau. Chàng đã thành công rực rỡ với đường nét cá biệt của chàng.

Chính lúc chàng thành công nhất thì tai họa lại đến. Căn phòng trở thành 1 địa ngục tối tăm và sa đọa đến nỗi Béatrice không chịu đựng nổi nữa phải tìm cách thoát ly. Nàng đã bỏ ra đi không một lời từ biệt và qua sống ở xóm Montmartre, nơi mà chàng đã ném mùi gian khổ và mùi rượu với Utrillo. Lúc đó chàng đã ho lao nặng. Suốt đêm chàng đứng tựa cửa Phòng Béatrice nàng không cho chàng vào. Chàng đã thất vọng, chàng đã khật ra máu, định mệnh bi thảm đã đến với chàng. Chàng ngụ tại nhà Zbo và vẽ tranh cùng cả nơi những tấm cửa phòng ăn. Zbo bán được tranh và định đưa cả Soutine, Foujita cùng Modigliani xuống miền Provence nghỉ mát, mong Modigliani sẽ thuyên giảm bệnh. Cuối cùng họ xuống trọ ở Cagnes. Nơi họa sĩ lừng danh Renoir đang làm việc. Renoir đã 77 tuổi và Modigliani chưa đầy 34 tuổi đã đến hầu chuyện cùng Renoir. Renoir đã khuyên chàng phải vẽ bằng sự thích thú đời, phải ngắm nhìn, tăng-tiêu mẫu

(xem tiếp trang 37)

tượng ngà trên đường độc

ĐOÀN NHƯ HIỆP

ĐƠN vị tôi được lệnh nhảy dù xuống một khu rừng thuộc tỉnh Kiên phong, để tấn công vào một khu của địch. Anh em binh sĩ cấp tốc sửa soạn lên đường.

Anh em binh sĩ đã đứng vào hàng ngũ, tôi kiểm điểm từng net mặt đang bung dỡ, tôi thấy thiếu Bản, tôi nhường mắt ngó xung quanh tìm hân. Hân đang đi khùng khinh đến trước mặt tôi, hân nháy mắt, miệng húyt sáo, rồi hân cười với tôi. Hân bước đến đứng cuối tiểu đội, mũi rọu từ hân vừa thoáng qua mũi tôi. Đại đội tác chiến bắt đầu lên phi cơ. Phi cơ cất cánh lượn một vòng như từ già phi trường, chúng tôi nhìn xuống mặt đất mà vài phút trước mình còn đang hấp tấp đi lại với hai cái nhìn yên ủi lẫn cuối cùng. Tôi lo lắng chuyển này đi chắc không về, sẽ ném xác ngoài chiến trận, vì tôi biết chiến khu của địch khá trọng yếu, thêm rừng rú nguy hiểm, tôi quan sát tất cả những nét mặt đen dũi, tôi toàn thấy vẻ mặt nghiêm trọng toát ra trong khung phi cơ, họ đang như chờ đợi giây phút cuối cùng của cuộc đời. Tôi nhìn hân ngồi bên cạnh tôi, tôi nghĩ đã nhiều lần mũi tanh hôi ở hân phun ra làm tôi chực nôn mửa, và lúc này tôi tuy vẫn không chịu được nhưng tôi lại thấy xúc động. Tôi nghĩ hân ta cũng chẳng bần, cũng chẳng bất nhân, phải, hân đã từng uống máu người không biết tanh, có lẽ hân uống vậy lại hay, tôi thương xót hân, vẫn ngó hân và hỏi:

— Bể đã uống rọu?

Hân nhìn tôi với đôi mắt đỏ ngầu cổ dềng về êm dịu:

— Thừa trung sĩ, em uống nước.

— Nước gì mà đầy hơi rọu không.

Nhe hàm răng vàng khè, hân cười đùa:

— Thừa trung sĩ, nước này em uống mới tốt.

Giọng trở nên nghiêm nghị, tôi khuyến cáo:

— Không được, chú có biết chúng ta sắp làm gì không. Từ giờ cho đến khi làm hết quân lệnh, chú không được uống rọu.

Nét mặt biến hoá về chại đá hân vẫn đùa:

— Thừa trung sĩ, em uống thứ này mới thú. Trung sĩ đã thấy, có bao giờ em làm trái lệnh đâu.

Tôi trông về quái đản trên nét mặt hân, tôi khẽ quát:

— Chú phải tuân lệnh, phải tỉnh táo. Chú đánh giặc chưa đủ, mà chú còn phải bảo vệ đồng bạn. Chú nên biết mặt người, đồng ngũ kể như mặt cánh tay phải.

Tôi ngán hân quá, chỉ huy hân tưởng như mình dậy hổ điều khiển hổ làm trò xiếc, viên thiếu úy của tôi xem ra cũng gờm hân, lắc đầu về sự nhậu gan người của hân như chúng tôi ăn cá trườn qua nước sôi, quả thật chúng tôi từng giết bao tên địch, nằm bên cạnh xác chết ngày đêm, nhưng trông hân moi gan chằm muối ăn tẩm tẩm mà phát ón người lên. Sức mạnh của hân vượt hơn chúng tôi, hân được phần đông binh sĩ ca tụng anh hùng và phi thường còn tôi, tôi liệt hân thuộc loại người say mê theo thói ham thích, hân thích nhảy

trong khi anh em binh sĩ đều sợ nhảy, mỗi lần được lệnh nhảy là hân khoai trá nhìn chúng tôi cười gượng, trong binh chủng tôi phân lệnh mỗi năm anh em phải nhảy bốn kỳ, còn đối với hân là một ăn huệ, cuộc hành quân cũng là một ăn huệ hơn nữa là cuộc du ngoạn của hân.

Đền hiệu nhảy lên, tôi nhìn qua khung kính nhìn xuống dưới với cả một thẳm xanh hiện dưới mắt, tôi cố tìm xem chúng tôi đã tới địa điểm chỉ định chưa, nhưng tôi không nhận ra. Phi cơ lượn vòng tròn lớn, đèn lệnh báo lên bắt đầu cuộc nhảy. Đoàn người cẩn thận lần từ không trung xuống. Dù mở năng nhẹ thân thể rồi đùa tôi dẫn xuống gần đất.

Tiếng súng đã nổ dồn dập từng tràng phía trái, tôi vội vàng cuộn dù nhét vào ba-lô, rồi tay cầm súng chia về đằng trước và tôi lao đi, tiến gần tới bèo đồng bạn đúng hăng hải tiêu diệt địch, tôi tưởng tại tôi điếc mắt. Khẩu súng trên tay tôi khặc liên tiếp từng bâng đạn. Mặt trận đang thu gọn về phía đông, địch quân vừa chống trả vừa rút lui, đoàn quân tiến gấp rút bỗng ngưng trệ, đợt người tiền phong gục ngã, rồi đợt nữa. Chúng tôi không tiến được nữa, vì địch quân đã tập trung hỏa lực vào một chỗ và chống trả kịch liệt, như đang đổ dồn quân đập lại chúng tôi. Hàng ngũ chúng tôi đang bị nguy khốn nằm trong thế trận yếu điểm, chúng tôi thật ở trong tình thế nguy kịch, đồng đội ngã gục và bị thương nhiều thêm. Hàng ngũ vẫn lùi dần, bỗng khó chịu với mùi thúi thúi thoáng qua mũi, có lẽ

là phân người, tôi à khe đoán chắc là cầu tiêu đây, tôi liền nghĩ nhảy vào hố phân tôi mừng rỡ song tôi còn kinh tởm quá, khốn nỗi từng loạt đoạn cứ đòi xia xối vào tôi, tôi trông xung quanh xem còn lỗ cá nhân nào chăng, nhưng tôi đành đẩy đất xuống hố phân rồi lẻ tẻ tôi nấp. Thiệt may mắn cho tôi, tôi kẻ súng trên miệng hố nhà đạn căn bước tiến của địch, đồng đội nhờ địa thế nơi tôi, họ nhảy xuống với tay bịt mũi tay nấp đạn, hàng ngũ đã hồi sinh, anh em lại hăng hái tấn công. Chúng ốm súng vừa hô chạy, bên cạnh tôi cứ thế lên tiếng la của Bân :

— Giết ! Giết hết loài súc vật. Chúng bay không thích ở đường phố thì ông tặng cho những viên kẹo đồng. Ngon thật là ngon, béo bổ nữa.

Tiếng nổ liên miên bùng lên pha lẫn nhiều tiếng kêu đau đớn. Giọng Bân thét :

— Ra đây ông sẽ tặng kẹo cho chúng bây ơi ! Loài súc vật, bọn bây chui rúc ông sẽ cho chui rúc. Đây, đây, này.

Tôi nghe thấy âm thanh ịch ịch lẫn ự ự. Hân thét nữa :

— Đây, ông cho chui rúc.

Đại đội biệt kích gần làm chủ tình thế chiến trận, binh sĩ phân khối đàn áp đối phương kịch liệt, chúng tôi cứ dẫm lên xác người mà truy kích. Tiếng súng dần thưa, rồi ngừng hẳn. Chúng tôi xục xạo biết địch đã tháo lui, chúng tôi dựng súng đứng thẳng vươn tay, tôi thấy một đù, tôi nhìn đồng đội mỉm cười cho sự chiến thắng, nhưng tôi cũng buồn trước cảnh tượng tàn. Chiến địa đầy những xác cháy, xác chết nát da thịt tôi hít hơi với mùi khét và mùi tử khí xông tới mũi mình, trại địch vẫn đang ngùn ngụt khói, lửa bốc phun tàn đùn lửa. Viên thiếu úy tiến tới, giờ tay đưa tôi bắt, thiếu úy hỏi :

— Tiểu đội của Trung sĩ còn bao nhiêu ?

Tôi nhìn đồng đội và đáp :

— Thừa thiếu úy, chúng tôi còn bấy nhiêu.

Giương mặt thiếu úy nhướm vẻ buồn, hân gật đầu như về bằng lòng. Đôi mắt hơi đỏ như sắp điện đại, hân ra lệnh :

— Trung sĩ hãy thu dọn xác chết.

Gật đầu giờ tay chào thiếu úy, tôi tuân lệnh phân chia công tác cho anh em tôi kiểm điểm còn lại 6 người, tôi thấy lạ không biết Bân chết hay sống nữa, vì lúc này khi giáp trận cuối cùng tôi vẫn thấy hân hét, hân nói bô bô nhưng từ lúc im tiếng súng tôi chẳng thấy hân đâu, tôi tự hỏi lửa đòi rồi sao? Thu dọn chiến địa xong, chúng tôi chưa được lệnh trở về, mọi người nằm im lặng trên mặt đất, tôi nhìn qua chỗ viên thiếu úy ngồi cách xa tôi khoảng năm chục thước, hình như hân cúi đầu dò tìm trên bản đồ. Nửa giờ trôi qua, chúng tôi nhận lệnh mới sẽ phải ở trong rừng cho hết đêm để mai sẽ tiếp tục cuộc tiêu trừ, bây giờ tôi mới để ý đến buổi chiều



vắng ánh nắng, tôi xem đồng hồ đeo tay kim chỉ 6 giờ kém 12, tôi nghĩ đến nhiều buổi chiều cùng vợ và hai con dạo trên đường phố, vợ tôi nâng kén chọn mua cho tôi đôi bít tất, ca hát, hai đứa con liu nhâu đòi mua kẹo bánh, chúng tôi xem cinéma với những phim yêu đương lẫn cảnh chiến tranh như tôi đang đóng trò đây. Tôi đưa mắt dò trên nét mặt đồng đội, tôi hình dung ra họ cũng mơ tưởng tới vợ con, họ như đưa mắt phóng về chốn thái bình an lạc. Lòng tôi bỗng vui niềm thương xót tha nhân, tôi buồn cảnh tượng xác chết, phiền sầu cho mạng mình treo trên sợi dây, thua nhục nhả trước viên đạn,

thứ vật nhỏ đen đủ sức tiêu diệt nổi toàn tượng của sự sáng tạo. Đúng thật con người hết giá trị rồi sao? Giữa làn đạn reo réo khói lửa, tôi hỏi tại sao tôi chưa chết, bất động giữa miền hoang vu ?

Bỗng tôi nghe nhiều giọng lão nháo :

— Ê, mày đi đâu bây giờ mới thấy mặt vậy Bân ?

— Thằng kia đã lùm được cái gì đó ?

— Thằng quý, đã nhắm được món gì béo bổ rồi ?

Tôi quay lại đằng sau gặp bộ mặt đỏ gay của hân hân khệnh khạng bước đến chỗ chúng tôi, tôi hỏi hân :

— Chú đã đi mò gì đó ?

Trong dáng điệu hân, tôi thấy hân không say rượu mấy, tôi muốn đứng dậy dẫm vào giữa trán hân cho hân bất tỉnh tôi muốn trừ khử hân ngay lúc này. Giọng ồ ồ hân nói oăm oăm :

— Dạ, Thừa trung sĩ, tôi đi lang bang.

— Chú có biết đây là đâu không ?

— Dạ có biết, đây là chiến trận.

Tôi nghiêng răng ra vẻ nghiêm trọng :

— Chú đã làm những trò gì ?

— Dạ, đào khoét.

Tôi hơi tức giận :

— Đào khoét gì.



Điều bộ văn lừng khùng, hấn nhều nhao :

— Dạ đồ ăn.

Điều khiến hấn thật là ngao ngán tôi biết nhất định hấn đã cắt tai xác dịch mọi gan, moi tim ăn, tôi muốn điều tra rõ hấn, tôi quát :

— Chú không được làm bậy.

— Vâng, đã biết.

— Chú sợi thịt mấy tên ?

Hấn nhe răng cười rần đá :

— Sáu tên.

Đột nhiên chúng tôi nghe từ xa ré lên từng hồi trung liên, chúng tôi vội nấp xuống vị trí, tôi quên ngay chuyện hấn. Vài phút sau, chúng tôi được biết vị trí vẫn tạm bình yên. Đồng đội xúm lại chuyện nhăng nhít, nhất là chuyện cờ bạc, rồi đến chuyện giải trí. Một binh sĩ trẻ đập đập vào chỗ lằn trên ba-lô của Bân reo :

— Ê, rượu hã cha, cho tao uống đồ ?

Hấn thọc tay vào túi ba-lô làm đúng như người sẵn sàng mời, rút ra một chai đầy rượu đầy tai người khiến chúng tôi kinh ngạc. Một binh sĩ nhỏ thó nhưng trông rất cứng rắn anh ta hỏi nhẹ giọng :

— Như thế ăn thế nào được anh Bân !

— Được chứ.

— Trông ghê dữ.

Tay mở nút dốc ngược chai trên miệng uống một nhớp, rồi đưa xuống dứt nút, hấn rung rung hai vai nói,

— Ngon tuyệt mấy cha. Uống không ?

Chúng tôi nhún vai nhìn hấn cử động, tay nhóm nháp bôi vào quần áo, hấn huýt sáo. Binh sĩ lần tìm chỗ đặt lưng nghỉ ngơi, hấn nằm gần tôi. Tôi giương mắt nhìn trời qua lùm lá vẫn còn kinh tởm về hành vi của hấn, tôi biểu hấn giọng như thờ :

— Chú làm bậy quá.

Lời hấn dịu dàng như tâm sự :

— Thêm thường quá mà trung sĩ.

— Chú không biết hồi tanh à ?

— Dạ, em thấy rất thú vị.

Tôi chất vấn hấn :

— Chú đã biết chú phạm tội gì

không ?

— Dạ không.

— Tội tàn sát.

Cười khà khà lúc lâu, hấn ngao nghể :

— Thương gì lũ đó. Chó má cả lũ.

Chúng tôi im lặng, tôi nghe rõ tiếng thở phì phào của hấn, nếu tôi nằm sát hấn chắc sẽ nghe thấy trái tim nhẩy đập, một trái tim tím tái chai đá mà tôi thấy chưa lần nào rung động trước một người con gái mặc dầu là kêu gọi xác thịt hay kiểu diêm, duy chỉ hồi chúng tôi còn đang học năm đệ ngũ, tôi thấy hấn kêu ca về chuyện đàn bà con gái khó xài quá, hấn nói chuyện đi diêm và một lần duy nhất hấn phung phí tiền thuê xác thị đàn bà, chỉ chung đụng một đêm với một à khoảng mười tám tuổi, rồi hấn chừa, hấn bảo hấn đã từ đàn bà, hấn bảo hưởng thú ở đời như thế là đủ. Chúng tôi học cùng lớp đệ tứ tại một trường, niên học chưa đầy nửa khóa, bỗng dưng hấn thôi học, về sau tôi không được tin tức gì về hấn, từ đó cho đến khi chúng tôi lại gặp nhau vào dịp tôi được chuyển đến đơn vị này. Tâm trí cứ thắc mắc về bao năm quên nhau hấn đã làm gì, đồ đạc gì chẳng, tôi hỏi hấn :

— Chú còn nhớ hồi chúng ta còn học cùng nhau không ?

Tôi nhìn và thấy hấn chau mày hấn vẫn nhìn lùm lá trên cao, hấn đáp Tôi còn nhớ.

Nghĩ đến sự nghỉ học đột ngột của hấn, tôi không dừng hỏi vặn :

— Hồi đó vì sao chú thôi học ?

— Tôi đăng lính nhẩy dù.

— Thời ấy chú có đủ tiền để học, tại sao chú lại đi lính ?

— Tôi sợ động viên, mà động viên làm gì có tỷ để xài. Với lại tôi cảm cái tội du kích quên ấy chỉ được cái trêu người tội Pháp, để nó càng bắt tội dân mình. Tôi còn nhớ mãi một cuộc tàn sát rất thương tâm ở gần quê tôi, chỉ vì mấy anh du kích mang súng tắc bọp tắc bọp giở trò với tội Pháp. Bữa kia hành quân qua thị trấn nhỏ bé nơi chôn nhau cắt rốn của mẹ tôi, tội Pháp bị giật mình chết năm sáu thằng, chúng nổi đoá

càn quét khắp thị trấn hiếp dâm đàn bà con gái, giết chóc đốt nhà rồi chúng kéo đi để cảnh đau đớn cho đồng bào, vợ mất chồng mẹ mất con bị Pháp bắt làm tù binh.

Tâm hồn xúc động, tôi bùi ngùi

— Hồi ấy chút ghét Pháp sao không tìm cách lẩn trốn ?

Lấy bao thuốc lá ở túi áo trên, tôi rút một điếu để lên miệng, và rút một điếu mời hấn, hấn lắc đầu không nói. Tôi móc diêm đánh mất hai ngọc mới châm được lửa, phả hơi khói tuôn lên cao, tôi nhìn hấn đưa mắt đắm đắm nhìn xa thẳm, mãi vài phút sau hấn trả lời :

— Trốn mà bị Pháp bắt được hi phải vào nằm nhà pha, chúng nó quay điện thì chỉ có chết, nếu không chết rồi cũng tạt mang. Thằng bạn tôi đã bị một trận quay tai, về sau được thả lại điếc dặc.

Thật là phi lý, người ta chọn sự căm thù này mà tiêu diệt căm thù kia, tôi không đủ nhân loại đang nghĩ gì về quá trình lịch sử thời đó, mọi ngày tôi đã, thấy xung quanh tôi xa lạ, và bữa nay tôi càng nhận rõ ràng quá xa lạ giữa kẻ khác và tôi. Tôi tưởng chuyện thầy tôi bị Pháp bắt làm khu quân vác hòm đạn, bị giết oan uống là đã thương đau nhưng đã thấm vào đầu với chuyện tôi mới nghe vừa rồi, phi lý quá chừng, thật oan uổng cho loài người, vì một số quân Pháp mà gây thêm mối hiểm thù giữa đông và tây, mẹ tôi cứ trông thấy người Âu lại đâm khó chịu, mẹ tôi cứ nói rằng thằng Tây cướp nước mình, nó sát hại đồng bào thì cần phải đuổi nó.

Tôi tính dò hỏi xem Bân có ý kiến gì về thời cuộc, song tôi nghĩ nên giữ kín vì phân vân biết ích lợi gì không. Tiếng súng lẻ tẻ từ xa vang tới, tôi đoán mấy chú nằm vùng đã phục kích dân vệ đang đi tuần trong xã đầu đây.

Bân xoay người nằm ghé, hấn nói :

— Đã mấy lũ chuột, tắc bọp tắc bọp.

Nhìn cảnh nằm sương gối đất, tôi nhớ về căn nhà ấm cúng, giường chiếu đẹp đẽ, đêm đêm vợ chồng chung gối, ngồi trông đàn con nhát nhát be be vui chơi rồi gật gù cù ki chúng, tôi mơ

(xem tiếp trang 35)

NẾU bảo chỉ không nói đến những chuyện này thì xem như chẳng hiểu gì về những điều xảy ra giữa loài người, bạn ạ. Tuy nhiên để tin tức càng đúng thì con người lại càng hành động cho thoát khỏi vòng kiểm soát. Thêm một lần nữa chúng mình lại có dịp tin điều này nếu chúng mình đến thung lũng người đi, một địa tích chưa bao giờ có người khai phá. Nơi đây mọc lên những cây thông, liễu, dương giữa những đồng cỏ khô từ những lửa đồn củi trước. Bây giờ cây khô cây tươi gì cũng chẳng còn lấy một cây.

Ở những nơi này không có đường lớn mà cũng chẳng có đường con. Dầu sao người ta vẫn còn tìm ra được một hai con đường mòn khó đi, trên đó có in vài dấu chân. Không phải dấu chân dân làng. Vết chân đó chứng tỏ có một số di-dân đi qua đây, có người bảo họ từ phương đông đến đi về bến tàu ở bờ biển để đi đâu đó. Không phải người Bôhemiên. Bọn người này ai cũng giàu tiếm tiếm; hoặc đi buôn hoặc làm những công việc tạm thời một nơi nào đó. Người ta bảo người Bôhemiên cổ tìm cách đi cho khắp cùng thế giới và biết đâu họ đã chẳng đi được nhiều vòng rồi. Nói rằng họ họp thành một hiệp hội thì có lẽ không đúng vì bọn họ ít hưởng quyền lợi chung và họ thuộc những hàng ngũ xã hội có tổ chức rất khác nhau. Họ chỉ còn giữ lại một số tập tục, trong các tập tục đó có tập tục này là bắt đi bắt dịch hơn cả: đi ngang qua những miền đã ấn định, như vùng thung-lũng này chẳng hạn. Hình như họ chẳng bao giờ nói với nhau còn cử-chỉ thì giống nhau và thân mật. Thế nào họ cũng có những dấu hiệu bí mật. Những tài liệu duy nhất chúng tôi góp nhặt được về những con người này đều lấy ra từ một câu chuyện người ta thường kể quanh vùng, câu chuyện chàng Mân ở một làng kế cận.

một màu không pha trộn. Đầu tuyến đen như mực, hung. Có vài người đàn ông mang râu có cạo tỉa.

Mân còn quan sát sự hòa hợp đáng chú ý trong đôi mắt của bọn họ, nhưng chàng đã bắt đầu chú ý đến người con gái đi sau cùng. Nàng bé hơn bọn kia, Đường nét phân minh trong khuôn mặt nằm trong mái tóc màu đen thực rắn rồi làm đường nét gần như xếp thành hình chữ nhật.

Mân bước theo con đường mòn, không còn nghĩ mình là ai hay mình đi đâu. Chàng cũng chẳng cần thận trọng cho khỏi bị lộ mà chỉ giữ vừa một khoảng cách giữa đoàn người và chàng. Bọn kia đi dọc theo sông suốt nhiều tiếng đồng hồ và cuối cùng đi vào một cánh rừng nhỏ có nhiều cánh đồng cả bao quanh, nơi đây đáng chừng họ dừng lại.

Mân dừng lại ở rìa rừng và suốt đêm chàng trông chừng bọn họ khởi hành. Sáng tinh sương chàng lên đường cách khá xa bọn người kia, lòng tràn ngập một niềm hy vọng thanh bình. Chốc chốc chàng thoáng thấy qua cánh lá khứa mặt và hình dáng người thiếu nữ.

Sau một cuộc theo dõi dài lâu mấy ngày chàng phải ăn bánh ngọt mua vội trong hàng, chàng thấy nàng thiếu nữ bỗng đi đến chàng. Chàng đang ở bên một cánh đồng cỏ nhỏ. Chàng không nói được với người con gái kia lấy được một tiếng nào nhưng cũng làm được một cử-chỉ mời mọc khẩn cầu. Nàng lắc đầu. Hồi của. Chẳng bao giờ chàng được nhập bọn, nhờ nàng cũng không. Điều này ít quan-trọng, chàng đi đường chàng trong thế giới riêng chàng, theo lòng mình, và chẳng có ai phải quan tâm đến sự có mặt của chàng. Người con gái ngồi xuống cỏ cạnh chàng và nàng ngồi không nhúc nhích như thế

THUNG LŨNG NGƯỜI ĐI

của ANDÉ DHOTEL

Mân khoảng hai mươi tuổi, nghiên cứu thực vật học hương đi kiếm những mẫu cây nhiều khi kỳ lạ tìm thấy trên những ngọn núi đã biết, có rừng cây cao lớn hỗn độn bao quanh.

Mân một ngày kia đang ở giữa một thửa cây rậm, thửa cây này bây giờ không còn nữa, chàng nghe tiếng người lại gần. Chàng nhìn thấy một toán mười người đàn ông đàn bà đi qua. Bọn họ đều mang một mô hình lý khá nặng trên vai dáng điệu thoáng thả, phần lớn cao lớn. Không có qua một nét mặt nào tỏ dấu một bộ lạc quen thuộc. Họ người Âu nhưng không thể xác định xuất xứ. Họ cho ta một ấn tượng đậm đà làm ta tưởng tượng mình họ được làm bằng thủy-ngân chứ không phải bằng thịt. Những mái tóc đàn bà được sửa soạn cân đối một cách toán học, đôi môi thì ngay ngắn. Tất cả đều có cặp mắt

cũng có đến một giờ không bỏ môi. Đôi bàn tay để trên nẻo cổ. Có khi nàng nhìn Mân. Trước khi từ giã chàng, nàng lấy một cái lược trong yếm ra chải tóc chàng.

Vài ngày sau chàng và nàng lại gặp nhau nữa. Cả hai cùng nhìn trái cây có gai đã cuốn vào mái tóc để dài của nàng và đã rơi rớt ra. Qua những chiếc gai cả hai cùng nhìn thấy một cảnh điều huyền diệu đang bay thoát nhanh trên không trời.

Tối hôm đó Mân ngủ một giấc say sưa. Chàng chẳng bao giờ tìm lại được dấu chân những người chàng theo dõi.

Thế là chàng lại trở về xứ sở, và khi hồi hương, chàng lại đi qua thung lũng. Khi ngắm nhìn dấu chân trên bùn

(xem tiếp trang 36)

DỰ ÁN NGUYỄN DU (1765 - 1820)

(Đề kỷ niệm sinh nhật thứ hai trăm của thi hào, năm 1965 sắp đến)

Bản thông tin này chỉ là một bản ghi sơ lược công tác, có mục đích đề xướng một số đề tài nghiên cứu thuộc Dự án để giúp thêm cho những vị nào cộng tác, ở Pháp hay miền Nam Việt Nam. Có thể có những đề tài khảo sát xứng đáng khác mà chúng tôi không biết và không được ghi ở đây; trong trường hợp này, mọi đề nghị dự thảo của đồng nghiệp dĩ nhiên sẽ được chúng tôi hoan nghênh.

Dự án này là do sáng kiến của cơ quan Séminaire d'Etudes Vietnamiennes dưới sự điều khiển của Giáo sư M. Durand, Giám đốc nghiên cứu ở Trường Thực Tập Cao Học Đại Học Ba Lê (Ban 4, Ngữ học Việt Nam). Chúng tôi thiết tưởng, công cuộc thực hiện Dự án có thể đem lại một bằng chứng mới cho những mối giao hữu giữa văn hóa Pháp và văn hóa Việt Nam. Vì vậy chúng tôi mong những bài của học giả Việt Nam gửi sang, có vèi tác giả đã hứa cộng tác Những bài sẽ được xuất bản tại Ba Lê, sau khi được Ủy ban Thẩm độc thỏa thuận, và phải viết bằng tiếng Pháp. Tuy nhiên, những bài viết bằng Việt ngữ, có thể do Ủy ban dịch sang Pháp ngữ. Các tác giả cộng tác sẽ nhận được những ấn bản rời.

BẢN KÊ NHỮNG ĐỀ TÀI ĐỀ NGHỊ

KÊ KHAI SÁCH

1° Những khảo sát (viết bằng đủ thứ tiếng) đã xuất bản về NGUYỄN DU và tác phẩm.

2° Kiều: kiểm tra các thủ bản và ấn bản bằng chữ nôm, chữ quốc ngữ, những dịch bản (bằng tiếng Pháp, Anh, Trung hoa v.v...)

3° Những tác phẩm khác của NGUYỄN DU: nguyên bản và dịch bản.

TÀI LIỆU MỚI VỀ NGUYỄN DU

XUẤT XỨ CỦA KIỀU

1° Nguồn gốc Trung hoa: Đề tài Kiều ở Trung hoa (đoạn thiên, tiểu thuyết, chứng văn của người đồng thời, kịch phẩm). Nguồn gốc trực tiếp của NGUYỄN DU Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân xứng đáng được dịch ra rộng rãi để nghiên cứu kỹ hơn về bản nôm truyện Kiều. Nhưng dịch những cuốn khác nữa vẫn có ích, để chứng tỏ đề tài ngay trên đất Trung hoa cũng được chú ý.

2° Những ảnh hưởng Kiều nhận từ những chuyện nôm có trước: « Hoa tiên »; v.v... và những ca đò (Bắc Ninh, Nghệ Tĩnh, v.v.)

NGŨ HỌC KIỀU

1° Ấn bản bình giải đáng tin, với những lời chú thích hợp.

2° Phần phụ lục kỹ thuật: Trùng hợp (theo phương pháp của những bản chỉ dẫn ở Harvard Yenching Institute và Institut d'Etudes Franco-chinoises), cổ ngữ tự điển (có chữ nôm), mục lục văn thơ, diễn lịch, tên riêng... v.v.

3° Ngữ pháp Kiều: những bài nghiên cứu cách sử dụng chữ theo từng cấp bậc (từ ngữ, cú pháp, thi pháp, tu-từ pháp, mỹ từ pháp)

BẢN DỊCH KIỀU MỚI

Căn cứ vào những chất liệu được kê khai ở phần trên.

ẢNH HƯỞNG CỦA KIỀU

1° Phần ảnh hưởng đến những truyện nôm ra đời sau: Bích Câu Kỳ ngộ...

2° Phần có thể được đem vào trong bài ca và phương ngôn bình dân và trong phong tục (bát Kiều)

3° Phong tác truyện Kiều: trong thơ kịch. Những « án », thơ lục bát gọi « Tập Kiều » (ou « Lầy Kiều »).

4° Những bài tựa cổ xưa, ý kiến của các nho-gia đời trước (hoặc sao lại, hoặc dịch lại).

TRANH ẢNH (theo nghĩa rộng)

Maurice Durand

Directeur d'Etudes à l'Ecole des Hautes Etudes

Đề liên lạc hay đề nghị, xin giao dịch với:

1) **Bác sĩ NGUYỄN-TRẦN-HUÂN,**

Tổng thư Ký, 51 rue Geoffroy St Hilaire, Paris 5^e, France

hoặc 2) **Ông TẠ-TRỌNG-HIỆP,**

Phòng nghiên cứu CNRS, 1, rue Toulouse-Lautrec, Ermont (Seine et Oise), Thư Ký

Hạn nhận bài: đến 15-10-1964

LƯƠNG

KỊCH 4 MÀN

NGUYỄN PHƯỚC

NHÂN VẬT

ÔNG HẢI : cha của Lương trạc 43 tuổi quốc thước

BÀ HẢI : mẹ của Lương, vợ ông Hải trạc 38 tuổi

LƯƠNG : con trai ông Bà Hải 20 tuổi học sinh năm cuối trung học tính tình còn trẻ

ÔNG MINH : cha của Thúy 39 tuổi

BÀ MINH : mẹ của Thúy em họ Bà Hải 36 tuổi

THÚY : con gái Ông Bà Minh 16 tuổi nữ sinh tú tài đẹp, duyên, khôn.

(Mở màn. Phòng tiếp khách của ông Hải. Bày biện sang trọng. Ông Hải đang ngồi không, ngậm điếu, có vẻ đề ý đến thì giờ vì thấy ông hết nhìn đồng hồ tay lại nhìn đồng hồ lớn. Một, hai phút sau, Bà Hải, trong bộ y phục ở nhà, đi ra).

BÀ HẢI. Mình đi thay áo cho mát.

ÔNG HẢI (không chú ý đến câu vợ nói) — Mười hai rưỡi. Thăng Lương vẫn chưa về.

BÀ HẢI. Có lẽ hôm nay nó bãi 12 giờ.

ÔNG HẢI. Buổi sáng đã về muộn mà buổi chiều cũng học nữa là thế nào?

BA HẢI. Ba nó khi thái quá khi bất cập. Khi thì không kể gì đến con, khi thì rối rít lên.

ÔNG HẢI. (không trả lời lại nhìn đồng hồ). Hồi sáng nghe nó lại đòi may quần đóng giày nữa đây phải không?

BÀ HẢI. Thôi mặc cho nó diện. Sinh-viên sắp đến nơi chứ chẳng chơi.

ÔNG HẢI (chậm rãi). — Tôi thì ít giờ... Bà nên xem chừng thằng Lương với. Độ này tôi thấy nó làm sao ấy... Trước kia đi về có giờ giấc, ăn mặc thì thế nào cũng xong... Nó thay đổi nhiều lắm đấy.

BÀ HẢI. Thay đổi thì thay đổi chứ có hại gì đâu nào.

ÔNG HẢI. Bà không biết chứ thay đổi bên ngoài là do thay đổi bên trong mà ra.

BÀ HẢI. Ba nó thật lắm chuyện. Cho nó thay đổi cả bên ngoài bên trong đi nữa cũng chẳng hại ai

ÔNG HẢI. Bắt đầu thế đã rồi bà ở đó mà coi.

BÀ HẢI. Ông khi nào ít cũng xit ra nhiều. Tôi chẳng thấy có gì.

ÔNG HẢI. Chính tôi cũng chẳng thấy có gì.

BÀ HẢI. Hay chữa! Thế sao lại nói?

ÔNG HẢI. Chính tôi không thấy gì nên tôi mới hỏi bà.

BÀ HẢI. Chịu ông. Ông nói thế nào thấy cũng xong được cả.

ÔNG HẢI. Tôi biết có một cái gì đó nhưng tôi không rành mà thấy.

BÀ HẢI. Rồi! Ông lại sắp đem công việc, áp phe của ông ra thì hết chuyện được với ông, (một lát) Cái gì đâu cũng hãy còn vào đó, đã có chuyện gì nào?

ÔNG HẢI. Bà khi nào cũng chờ cho có gì. Muốn chữa bệnh là phải chữa ngay lúc này.

BA HẢI. Tùy ông đấy, ông chữa thế nào được thì chữa.

ÔNG HẢI. Ít nhất bà cũng cho tôi biết căn bệnh chứ!

BA HẢI. Tôi đau ốm gì mà ông bảo cho biết căn bệnh?

ÔNG HẢI (nên). Nói thẳng Lương chứ ai nói gì bà.

BA HẢI. Ông đợi nó về mà hỏi nó.

ÔNG HẢI. Chẳng tin gì nó được nên tôi mới hỏi bà.

BÀ HẢI. Sao ông hỏi tôi?

ÔNG HẢI. Chứ không hỏi bà thì hỏi ai vào đây bây giờ?

BA HẢI. Thường ngày ông chẳng hỏi tôi, bây giờ tôi không biết lại hỏi.

ÔNG HẢI. Thôi được, tôi chẳng hỏi bà nữa. Để nó về đây...(hầm hầm)

BÀ HẢI. Lại rầy la hạch sách!

ÔNG HẢI. Đáng ra tôi hỏi nó lâu rồi kia, đợi đến bữa này là muốn đề bà liệu.

BÀ HẢI (nghe ngóng) Nó về kia... Thôi ăn cơm đã rồi gì hần hay.

(Trong khi đó Lương vào, tay cầm vài cuốn vở sách, nét mặt có vẻ vui)

LƯƠNG. Thưa ba má.

BÀ HẢI. Sao con về trễ thế ? (Lương chưa kịp trả lời) Thôi vào thay áo mà sửa soạn ăn cơm, con.
(Lương lẳng lặng đi vào)

ÔNG HẢI. Lương à.

LƯƠNG. (vọng ra). Dạ.

ÔNG HẢI. Sao mấy hôm nay mày về trễ thế ?

LƯƠNG. Dạ...

ÔNG HẢI. Sao ?

LƯƠNG (vọng ra).— Dạ...con đi dạy.

ÔNG HẢI. Sao ? đi dạy ? mày dạy gì ?

LƯƠNG (vọng ra).— Con đi dạy được gần một tuần lễ nay rồi.

ÔNG HẢI (nhìn vợ, không muốn hiểu). Nó nói cái gì thế nhỉ ? (nốt lớn vào) Lương à, ra đây nói cho rõ ràng nghe nào. (Lương ra).

BÀ HẢI. Con dạy gì ? dạy ai ?

ÔNG HẢI. Sao ? mày dạy thật à ?

LƯƠNG. Vâng. Người ta giới thiệu con dạy tư gia. Con chưa kịp nói ba má biết.

ÔNG HẢI. Dẫu chuyện quan trọng hay không, cũng phải nói một lời cho cha mẹ biết chứ. Sao đợi hỏi đến mày mới trả lời ? Mày biết mày đang học thi toàn phần không ? Ngày giờ đâu mà đi dạy nữa

LƯƠNG. Con xin lỗi ba má. Con tưởng chuyện tầm thường nên chưa kịp thưa. Nhân đây con xin thưa cùng ba má rằng con đã xin dời ban Toán sang ban Triết rồi.

ÔNG HẢI. (tròn xoe mắt) Sao ?

LƯƠNG. Vâng. Hôm trước con có thưa ba con kém sức khỏe nên làm đơn xin ông Hiệu trưởng dời ban.

ÔNG HẢI. Một chuyện như thế mà nó chẳng nói cho ai hay ! Mày có nói bác sĩ bảo mày kém sức khỏe nhưng mày đâu có nói với tao mày dời trường ?

BÀ HẢI. Không, nó có nói với tôi, nhưng tưởng nó nói dẫu bỏ dấy nên không nói lại cho ba nó nghe.

LƯƠNG. Con thấy ban Toán tù túng quá mà con thì lại... thiếu sức khỏe.

BÀ HẢI. Con đi dạy như thế thì lại mệt hơn nữa.

ÔNG HẢI (xua tay). Thôi má nó đề tôi. (quay sang Lương)

Mày định làm loạn dấy phòng ? Thật hết nói chuyện được với mày. Mà tại sao nữa chừng xin dời lớp nhà trường chẳng bởi gì là thế nào ?

Lương, mày có khôn hồn thì nghe đây : Tao đã đề cho má mày với mày thông đồng nhau đề mày tự do. Nhưng như thế này thì rõ không xong (cứng giọng) Ngày mai mày phải xin vào lại lớp cũ, rõ chưa ?

LƯƠNG. Dạ...nhưng mà...con đã đi dạy rồi thì làm thế nào ?

ÔNG HẢI. Mày dạy được bao lâu ?

LƯƠNG. Dạ thưa một tuần.

ÔNG HẢI. Một tuần thì đã hề gì ? Mày phải xin thôi mà vào lại cái môn của mày đi, nghe không ?

LƯƠNG. Thưa ba...con sợ người ta không cho. Mình xin đổi mà họ cho là đã rộng lượng lắm rồi, có đâu lại xin trở lại lần nữa...

ÔNG HẢI. Còn rộng lượng với chẳng rộng lượng ! Tao có bảo mày xin dời đâu mà giờ lại mở mồm khen láo thế hử ?

BÀ HẢI. Thôi, con xin lỗi ba đi. Đàng nào cũng là sự đã rồi, con làm vậy không phải.

ÔNG HẢI. Tao vẫn tưởng mày đủ trí rồi nên để cho mày liệu lấy... Ra mày chẳng làm gì được... Mày có biết việc mày đang làm là hệ trọng lắm không ? Cả một vấn đề tương lai của mày chớ đâu có phải mày hành động cao hứng như vậy.

(một phút im lặng)

Mày dạy ở đâu đấy ?

LƯƠNG. Dạ nhà ông Quang.

ÔNG HẢI. (nhìn Lương lăm lăm nhắc lại)... nhà ông Quang (như nghĩ ra điều gì) Thôi chết rồi !

BÀ HẢI (lo lắng) Cái gì thế mình ?

ÔNG HẢI. (đeo đuôi suy nghĩ riêng) Không được rồi...

BÀ HẢI. Cái gì mới được chứ ?

ÔNG HẢI. Mình không nghe gì sao ?

BÀ HẢI. Cái gì đâu nào ?

ÔNG HẢI. Nó bảo nó dạy ở nhà ông Quang.

BÀ HẢI. Mà sao ?

ÔNG HẢI. Không được chứ sao.

LƯƠNG. Ba cho con hiểu tại sao.

ÔNG HẢI...Này Lương...(một lát) Thôi thì mày muốn học ban nào thì ban, chứ cái dạy ở nhà ông Quang thì cho tao xin...

LƯƠNG. Thưa ba con vẫn không hiểu.

ÔNG HẢI. Mày dạy cho ba đứa con gái của ông phải không ?

LƯƠNG. Vâng.

ÔNG HẢI. Mày đã hiểu như thế là không được chưa ? Phải rút lui ngay, nghe không ?

(Lương im lặng, hậm hực)

Lương bỗng có bao nhiêu thì cũng cảm ơn thôi. (một lát) May đó, may mày nói cho tao biết chứ đâu biết chừng..

LƯƠNG. Có gì đâu mà ba nặng lời như vậy...

ÔNG HẢI (quát). À ! Có gì đâu, có gì đâu ! Mày đợi cho có gì đã rồi mới nói phòng ?

BÀ HẢI. Thôi con phải nghe ba. Dạy như thế không hay. «Nào nữ thụ thụ bất thân» con không biết sao ? Ba đã cho phép con học gì rồi đấy, thôi thì ở nhà cho khoẻ thân.

ÔNG HẢI. Mày dạy như thế có giỏi thì họ trả cho mày bay tám trăm là cùng, đúng không ?

LƯƠNG. Vâng.

(xem tiếp trang 22)

thơ đình cường



cho sơn

mai đi hồ để quên đời
mai đi hồ để quên người được sao
nửa đêm sức tỉnh mưa rào
còn đây một nửa truyện sầu chuyện lay

đòi vọng cảnh

thời em ngày mộng chưa về
chiều trên rừng núi lạnh tê mọt phần
con sông chừng cũng lưng dòng
thuyền trôi chậm mái chèo chùng sóng xô
người ngồi giữa bãi cỏ khô
bầy chim về muộn cũng vừa bóng đêm
chợt em ngày mộng đã chìm
thiều trên rừng núi một mình lạnh tê.

mùa đông

1

➤ Khi người nữ ca sĩ mang bó hoa ly trắng trở về đi ven
dòng sông có người đàn ông đứng đợi người đàn ông không
làm thơ dù cỏ hoa tình tự chiếc cầu trắng mang linh hồn mùa
đông cùng ngọn đèn thấp chợ có loài chim thề anh về đi ngủ
(loài chim thề-anh lần trốn ở rừng thưa và ăn toàn loài hoa
đại)

2

Khi người nữ ca sĩ ôm gió rét trở về đi ven dòng sông
người đàn ông không còn đứng đợi người đàn ông hóa thân
làm cột đèn từng đêm có người đến thấp lửa và người nữ ca
sĩ bỏ chạy rất mau rất mau

3

Ngoài đảo hoang lời ca là tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá
những cơn gió mặn trườn tới và cướp lấy còn lại chiếc sọ dừa
này nước biển chiếc sọ dừa rất dễ thương
người nữ ca sĩ bùng mất khóc người đàn ông không còn nữa
cả loài chim thề anh ở rừng thưa

4

Sau đó không còn tiếng hát.

vĩnh viễn

anh vẫn trở về đêm khuya thấp hàng bạch-lạp tách nước trà
nguyệt như căn phòng có nhiều vết loang anh đỡ lên thành
khuôn mặt em hai mắt to đen
là nh. với chiếc trâm cài trên tóc.
con đường buổi chiều là tấm thảm anh đưa em về với tiếng
hát của trang sương mù vừa trên dãy núi xa còn lại một tí
mặt trời sáng dịu như màu áo dài xanh non em phơi rồi để
quên

là nh. với dáng vai gầy bắt được.

làm sao anh nói ra, lời lẽ giản dị như ca-dao và tình-yêu
hồn nhiên như rừng núi hồn nhiên như hơi thở em anh lắng
nghe bằng tiếng tím

là nh. với đêm dài mọt huyết

cho anh gọi em một lần rất nhỏ như phi-lao như tiếng sao
vỗ nửa khuya em ngửa mặt cười nghe lệ rơi

là nh. với bản serenata buổi chiều buồn hơn bao giờ
là nh. với niềm sầu đau vĩnh viễn.

lời hư vô

tặng hdnam

1

nửa đêm con bệnh đến chém tôi thăm thiết

thơ đình cường

ôi nói lời trời trần
người bạn buồn trong giấc ngủ
nửa đêm tôi quờ quạng
em ở xa và ngủ yên
làm sao tôi thăm gọi
tình yêu hay cô đơn

2

ở đó mùa biển động bắt đầu
những ghềnh đá kêu than một đời cô đơn
mà bọt sóng cứ ấn mồn vào thân thể
ở đó cơn mưa hải hùng từ trên đèo cao
tiếng núi vô vọng vô vọng
ở đó chiếc tàu đã đắm từ năm bão lớn
mang theo hàng xác người cho loài cá mập
mà những người thân không bao giờ tìm ra
ở đó tôi nhìn thấy
tấn nhà miền phi-lao.

truyện tình

những bước chân đi trên đường phố chết
anh còn nói với em lời gì nữa không
đêm cao-nguyên vĩnh biệt
gọi tên một lần trên đỉnh non cao
ngàn xuân không tiếng vọng
em làm một loại én ma
như anh hóa-thân
trên trái đất này chúng ta vĩnh cửu
câu chuyện bắt đầu từ một nghĩa-địa-hoang
người yêu mang áo trắng
người yêu đang tay với
cát lung bụi mù.

qui nhơn

xe ngừng lại giấc nghỉ trưa
cho tôi xuống vội đề vừa kịp thăm
núi còn những mấy nghìn năm
mây bay buồn xuống ngang tầm mắt tôi

nửa mặt

tiếng hát dạ lun này
nghe hồn anh mới mệt
chiều âm thầm qua đây
biển sa mù mãi miết
biển đông sâu mãi miết

hất-dăng làm mắt chong
anh ngồi trên cát lạnh
em giờ xa ngàn trùng
chiều ơi chiều xuống chậm
mây bay qua chấp chùng
gió lưng đèo thổi mạnh
mưa trên đèo đổ nhưng
anh còn đi biên-biệt
những ngày qua ngày qua
con ngựa hồng đã chết
anh hát bài sahara
sa-mạc mờ bụi đỏ
cát bỏng bàn chân này
nửa mặt mình lệ chảy
nửa mặt mình máu vấy
còn chi mà nói nữa
em đưa anh cầm tay

valse

Khi nàng mở mắt to nhìn lên
tóc nàng chảy xuống như điệu vũ
từng cánh hoa hồng rơi
ngoài bờ sông những ngọn đèn sáng lên, vai cầu trắng
tóc nàng mắt nàng
nuôi chàng sống từng mùa đông
chàng gọi moïra âu-yếm
như trên miền đồi cao đầy cỏ may
chàng hôn nàng ở đó.
khi nàng mở mắt to nhìn lên
mây hải hùng đổ xuống
và gió, gió trên đồi cao
chàng và nàng chạy đuổi
bằng chân không.
ngoài bờ sông những ngọn đèn sáng lên, vai cầu trắng
thành phố sương mù
nàng gầy như lau sậy
tóc nàng mắt nàng
với mẫu áo lụa đen chàng lần trốn
chàng quên hết
đó là siêu hình riêng của chàng
hạnh phúc dịu dàng như đồng cỏ
nàng hát buổi chiều như sao băng

ĐÌNH CƯỜNG

ÔNG HẢI. Rõ thả mỗi bắt bóng, ách giữa đang đem mang vào cõ. (ngừng một lát).

Đừng có tập làm cái nghề précepteur cho con gái. May xem xưa nay có thằng précepteur nào dạy cho con gái mà cuối cùng... cuối cùng hẳn hoi không ?

BÀ HẢI. Thôi ba nó nói gì cho lớn chuyện. Đầu hầy còn đó. Thôi cha con thay áo ăn cơm... Trời, có một giờ rồi đấy. (Bà Hải đi vào)

ÔNG HẢI. Thế nào ? mầy định sao ?

LƯƠNG. Một chuyện rất tầm thường mà ba đã vội làm to chuyện.

ÔNG HẢI. (dịu giọng) À, mầy đừng tưởng chơi... Mày đây... Tao kinh nghiệm lắm rồi, tao nói không sai đâu. (một lát) Thôi sửa soạn ăn cơm đã rồi hay.

(Lương vào)

(Ông Hải nhìn theo Lương rồi có vẻ mơ màng thỉnh thoảng cười, làm bầm : précepteur...)

(Bà Hải ra)

BÀ HẢI. Thôi mình cũng thay áo cho rồi. (Ông Hải vẫn không cử động. Bà Hải vừa đặt mình xuống ghế vừa cười làm bầm)... précepteur... (nhìn chừng chồng) (Ông Hải lơ đãng)... xưa kia ba nó làm précepteur mới thật là tài : (cười lớn hơn)

ÔNG HẢI. (nghtêm mặt nhìn vợ) Má nó nói bậy nào !

BÀ HẢI. (cười lớn hơn) Tôi chịu ba nó !

ÔNG HẢI. (nghtêm mặt nhìn vợ rồi đứng dậy) Suyt ! nó nghe chết bây giờ ! (Ông Hải sửa soạn đi vào)

BÀ HẢI. Mình à. Mày tí nữa tôi quên. Hôm kia dì Minh có sang đây nói xem tôi thằng Lương có rồi rảnh thì dạy cho con Thúy một vài giờ Toán kéo con bé nó bớt lăm, năm nay nó cũng thi Tú đấy. Tôi đã bảo dì thằng Lương nó học ít thì giờ rồi. Nếu nay ba cho nó học văn chương thì hỏi xem nó có giúp được cho dì không.

ÔNG HẢI. (chợt nhớ ra điều gì) Thằng Lương nó học ban Toán phải không ?

BÀ HẢI. Thì ban Toán, bây giờ nó dạy Toán.

ÔNG HẢI. Chết tôi rồi ! cái thằng này nó điên mất (gọi lớn vào) Lương !

(Lương dạ từ trong rồi ra)

ÔNG HẢI. (lớn giọng) Mày học Toán mà sao giờ lại nhảy sang Văn chương ?

(Bà Hải hiểu ra, nhìn Lương.)

LƯƠNG. Dạ con có khiếu văn chương, con thấy Toán khô khan quá.

ÔNG HẢI. (giận nói không thành tiếng) Khô !.. khô ! Toán khô... Có phải mầy bảo Toán khô không ?

(Lương nín thinh)

(Ông Hải đột ngột, dần tiếng) Mày nói lại rõ tao nghe. Tại sao mầy sinh chứng thế hử !

LƯƠNG. Con học toán nhưng con cũng có khiếu văn chương. Và lại con thấy không đủ sức khỏe để đeo đuổi khoa học.

BÀ HẢI. Lương à, đáng ra con phải ngó cho ba má biết. Ba đâu có cấm đoán gì con nhưng ba muốn biết con làm gì hay con định làm gì. Con đã vượt quyền hạn của con rồi đó. Những ý kiến của con chưa hẳn là không có khuyết điểm ; hỏi thêm ý kiến cha mẹ cũng có hơn.

ÔNG HẢI. (dịu xuống) Thế mầy học văn chương gì đó ?

LƯƠNG. Dạ văn chương các nước với lại Triết học.

ÔNG HẢI. Có văn chương Pháp văn chương Mỹ không ?

LƯƠNG. Thưa có

ÔNG HẢI. Nhưng mầy thật thích văn chương chứ ?

LƯƠNG. Vâng.

(Ông Hải phác một cử chỉ, lắc đầu từ từ đứng dậy đi vào)

BÀ HẢI. (chờ chồng vào khuất) Lương à, Di Dượng Minh có nhờ con dạy thêm Toán cho con Thúy cuối năm nó đi thi. Một tuần vài giờ Dạy người đừng sao bằng giúp người trong nhà. Con thấy được không ?

LƯƠNG. Dạ được. Má cũng thấy đấy, con muốn tập đi dạy cho quen phòng sau này ra trường. Chính vì thế mà con nhận lời dạy ở nhà ông Quang. Nhưng con thấy còn thắc mắc không hiểu vì sao ba má không bằng lòng cho con dạy ở đó.

BÀ HẢI. — Ba má đã nói rõ tại sao rồi. Con nghĩ lại thì thấy ba má có lý. Con muốn quen nghề thì bây giờ dạy em nó có hơn không.

LƯƠNG. — Má cũng cho con còn bé bỏng lắm chắc (một lát) Cứ cái gì cũng thưa đi gửi lại, còn cứ đàn bà là tránh...

BÀ HẢI. — Thôi đi ăn cơm rồi nói chuyện lại.
(Bà Hải và Lương sửa soạn đi vào thì ông Hải mặc sơ mi bước ra, dáng đi tìm một cái gì)

BÀ HẢI. — Mình à, tôi vừa nói với thằng Lương nghĩ dạy dăng ông Quang mà đề một vài giờ dạy giúp con Thúy, thế có phải hơn không ?
(Ông Hải cắt nhìn quanh quất)

ÔNG HẢI. — (vừa xịch đôi guốc vừa bước vào) Muốn gì thì gì. (bước vào trước)
(Bà Hải bước theo.)
(Lương vào sau cùng)

(Còn tiếp)

HẾT MÀN I



GIẢI TRÍ

Trích ở tác phẩm nào ?

Sau đây là 4 đoạn cuối trích ở 4 tác phẩm dài của Khái Hưng, tác phẩm nào ?

1. An chưa chút nói tiếp :

— Vậy mơ đi mà sửa soạn việc khao vọng của mơ để tôi được yên thân ngủ một giấc.

2. Lan đứng chấp tay tụng niệm, con mắt dò lơ nhìn xuống con đường đất quanh co lượn khúc dưới chân đồi.

Gió chiều huu huu...

Lá rụng !

3. Nam ngồi xuống ghế, vui vẻ nghĩ thầm :

— Chuyến này về Hà nội mình phải về Lan và Trinh trong cùng một bức tranh mới được.

4. Tối đây tạm hết những ngày vui. Thực ra những ngày vui của « con người » không bao giờ có thể hết được.

MANH GIẤY BÍ MẬT

Trong thế chiến 1914—1918, một sĩ quan trẻ tuổi người Anh được nghỉ phép rời miền Bắc nước Pháp về Balé. Đây là lần đầu tiên anh sắp sống ở thủ đô Pháp. Anh tìm một khách sạn, tắm rửa rồi ăn tối. Xong anh quyết định đi xem hát.

Khi anh đến rạp hát, anh để ý ngay đến một nàng thiếu nữ tóc vàng xinh đẹp từ một chiếc xe hơi bóng nhoáng bước xuống, cô này mở túi tay lấy một chiếc khăn nhỏ thêu đăng ten đẹp ra, làm rơi một mẩu giấy. Muốn làm vừa lòng người đẹp, chàng chạy bỏ tới, nhặt mẩu giấy, đứng lên. Người đẹp biến mất rồi. Chàng sĩ quan vội vã đi tìm. Chàng thấy ai. Trong câu lạc bộ, ở ngõ ra vào, cũng không. Sau khi dò hỏi công phu, anh quyết phải xin gặp ông giám đốc nhà hát. Ông giám đốc nghe anh nói tiếng Pháp không hiểu, thấy thế anh mới đưa tấm giấy nhặt được đưa cho ông. Kết quả như điện giật. Ông giám đốc gọi một nhân viên và ra lệnh tổng chàng sĩ quan ra khỏi rạp. Anh phải lủi vào bóng tối, ở trên hè đường lạ hoắc, anh tự hỏi không hiểu tại sao. Anh xoay xở tìm đường trở về khách sạn. Ở đây, muốn rõ trắng rõ đen, anh đưa mảnh giấy cho anh gác cổng vì anh này hiểu tiếng Anh.

— À ra thế này đây !

Người gác cổng vừa nói vừa đi tìm ông giám đốc khách sạn. Ông giám đốc mới đến gần chàng sĩ quan và bảo ông chẳng muốn dung nạp chàng nữa ! Như thế là chàng sĩ quan trẻ tuổi được nghỉ phép về Ba lê lại bị tổng ra đường thẳng cẳng.

Bao nhiêu chuyện khó hiểu trên làm anh muốn biết mảnh giấy kia viết những gì mà anh không thể mở gút

nổi và đồng thời cũng phá tiêu tan luôn sự vui thích mong chờ ở chuỗi này sống ở Balé. Đến nổi ngay ngày hôm đó, từ miền Bắc về, anh đi luôn Luân đôn ; giữa đường không gặp phải gì. Trong thủ đô Anh quốc, anh đi đến nhà bố mẹ vợ hôn thê. Anh không quên kể lại cho ông nhạc nghe câu chuyện ở Balé.

Ông bảo :

— Cháu đưa Bác coi giấy gì nào.

Ông nhìn chăm vào tấm giấy bí mật. Xong, ông trả giấy lại cho chàng và bảo, giọng bình tĩnh :

— Anh không còn là hôn phu của con gái tôi nữa, xin anh hiểu cho.

Anh sĩ quan Bắc tuyền trở về thật kinh hoàng qu'đời. Đời giải thích. Ông nhạc từ chối, hôn thê từ chối, không nói lý do sự quyết định của cả hai người.

Và chàng, mất vợ, lang thang qua đường phố, điên điên lên vì bài toán nan giải của nội dung bức thư.

Anh nhớ ngay đến một người bạn thuở trước, nhằm anh này đang dạy Pháp văn trong một trường gần đấy. Anh đi đến gặp bạn, bạn anh tiếp anh thân mật và vui lòng dịch mảnh giấy, đầu mỗi của bao nhiêu phiền hà.

Anh chàng sĩ quan trẻ reo mừng :

— May quá ! lần này thế nào tôi cũng hiểu ra. Đây mẩu giấy đây.

Vừa nói vừa cho tay vào túi áo. Nhưng ! túi áo bên này không có. Túi bên kia cũng không. Túi nọ không nốt... Chắc anh đã bỏ quên trong mớ đồ đạc. Anh đi tìm. Bốn mươi phút sau, bạn anh, người dạy Pháp văn ở trường học thấy chàng sĩ quan nghỉ phép trở lại, vẻ thảm hại hiện trên nét mặt. Người bạn hỏi :

— Sao thế, hử anh ?

Thì ra chàng sĩ quan trẻ tuổi không hiểu vì sao đã đánh mất mẩu giấy bí mật, càng đi vào bí mật ngàn đời. (M. C.)

Anh hùng trong bóng tối

Nhật ký về chuyến đầu tiên vượt Bắc băng dương.

Thứ hai — Tôi bị đặt ngồi cùng bàn với thuyền trưởng. Gớm !

Thứ ba — Ban ngày tôi ở trên bong tàu thuyền trưởng.

Thứ tư — Thuyền trưởng tán tỉnh tôi bằng những lời không xứng với tư cách một sĩ quan hay một người lịch sự

Thứ năm — Thuyền trưởng dọa nếu tôi không nhận lời ông sẽ đánh đắm tàu.

Thứ sáu — Tôi cứu sống sáu trăm mạng người.

Bạn còn nhớ chăng ?

Bạn có thể kể tên 5 người ở trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn không ? Nếu không bạn hãy xem trả lời.

(xem trả lời trang 36)

« Chủ nghĩa thực dân Pháp ở VN » đã nhận xét rằng « hiện tượng thực dân gắn liền với chế độ tư bản; hay nói cách khác, nó là con đẻ của chế độ tư bản ». (trang 19). Từ đó có thể suy rằng chủ nghĩa thực dân cũ vì không che đậy được cái thực chất bất nhân, nên không còn hợp thời nữa. Nó phải thay hình đổi dạng trước cao trào tranh thủ độc lập của các nước thuộc địa, và biến thành chủ nghĩa thực dân mới, với những lực lượng tư bản mới. Trong các cuộc họp quốc tế, luôn luôn các nước Á Phi đã lên án chủ nghĩa thực dân mới này, một chủ nghĩa có nhiều chiêu bài dễ huyền hoặc lòng người hơn nữa.

Nói tóm lại, hiện tượng thực dân chưa chấm dứt. Những nước thuộc địa, trên con đường giải phóng, có thể chấm dứt một giai đoạn nào đó để bước vào một giai đoạn khác; và trong một giai đoạn, cũng chỉ có thể thanh toán xong một vài lãnh vực nào đó mà thôi. Cho nên công cuộc tranh đấu nhằm chấm dứt hiện tượng thực dân chưa hoàn thành, mà có thể càng lúc càng gay go, từ mặt trận « xương máu », đối qua mặt trận « mồ hôi, nước mắt » và rồi trên mặt trận « tư tưởng làm nòng cốt cho cuộc cải tạo xã hội, kinh tế... » có thể kèm theo cả « xương máu ».

Riêng trường hợp Việt Nam, trên mặt báo chí hàng ngày vẫn thường thấy những chữ « thực dân », và phần lớn những trận chiến từ xương máu, mồ hôi, nước mắt, đến các cuộc « đấu lý » với những danh từ dân chủ, tự do, độc tài...

● Về điểm « thắc mắc » thứ nhì, vì như chúng tôi nói, đúng hơn là một hoài nghi, nên chúng tôi không nhằm giải quyết ngay câu « thắc mắc » đã đặt ra (1) mà chỉ nêu lên vài cảm nghĩ về một thái độ của tác giả.

Trong khi viết một quyển sách, ông Nguyễn văn Trung, hơn ai hết đã đặt ra những câu hỏi : Viết cái gì đây ? Tại sao viết ? Viết cho ai ? v.v... (2). Những câu hỏi này một mặt xác nhận sự tự do lựa chọn đề tài của tác giả cũng như sự tự do chọn một thái độ khi trình bày... và mặt khác, đặt vấn đề « trách nhiệm » của tác giả đối với độc giả. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập đến thái độ mà tác giả đã chọn khi trình bày tác phẩm. Đó là thái độ của « con người triết lý » như tác giả đã minh thị, và từ khước thái độ của một con người còn tranh đấu chống chế độ thực dân, hơn nữa, không nhận mình là một sử gia để khỏi phải trình bày tất cả những sự kiện mà chỉ đưa ra những sự kiện nào hợp với luận đề của mình mà thôi.

Quyền lựa chọn cho mình một thái độ khi trình bày, hay nói cách khác quyền chọn cho mình một nơi đứng để nhìn cái mà mình sắp nói đến, là một quyền « bất khả xâm » của tác giả. Tuy-nhiên, với « tư cách » một độc giả « có thắc mắc », chúng tôi muốn bày tỏ vài cảm nghĩ...

Phải chăng vì chế độ thực dân đã cáo chung và nhiệm vụ tranh đấu đã hoàn thành nên tác giả phải lựa chọn « thái độ con người triết lý » ? Sự thực thì hiện tượng thực dân vẫn còn, như chúng tôi đã trình bày thực dân Pháp đã rời khỏi Đông dương, nhưng cuộc tranh đấu chưa hoàn thành. Cho nên dù cho tác giả rất thành thực với mình khi lựa chọn một thái độ như thế, tác giả khó mà đứng trọn vẹn trong cái thái độ đó để nhìn, để xét, để nói lên một vấn đề mà thực tế vẫn đang còn phải giải quyết bằng hành động. Có thể nghĩ rằng tác giả đã rất khôn khéo khi lựa chọn một thái độ khó xác định được

« biên cương » (vì nhằm vào những khía cạnh sâu xa, trường tồn nhất của con người) để có thể nhìn riêng một vấn đề nào cũng được mà vẫn hợp lý ? Dù sao, có người không phải là một ý thức thuần túy mà là một ý thức nhập thể hiện diện trong một môi trường, một hoàn cảnh, một lịch sử nhất định (3). Do đó, rút cuộc, thái độ mà tác giả « lựa chọn » chỉ để trả lời với người viết sử là tại sao tôi không trình bày vấn đề như ông trình bày và trả lời với người còn tranh đấu chống thực dân là tại sao tôi không xét vấn đề như ông muốn ! Thái độ ấy, như thế giải thích lối trình bày vấn đề theo cái nhìn của một « con người triết lý » chứ nội dung của vấn đề, thực tế khách quan, vẫn là một đóng góp đáng kể vào việc chống thực dân. Điều đó, chính tác giả cũng đã tỏ ý : Tác giả chẳng đã nói « ôn cố tri tân » là gì ! Tác giả đã nói « nhìn lại để rút ra một bài học » là gì ! Dù có nhớ rằng tác giả viết tác phẩm « không nhằm mục đích tranh đấu chống thực dân » độc giả vẫn bị xúc động khi đọc những đoạn nói về bạo động của thực dân và phải hết sức « tỉnh táo » để sáng suốt khi đọc những chương tiếp theo—Như thế dù chỉ nhằm vào một cuộc hành trình tư tưởng thuần túy, kết quả của cuộc hành trình đó vẫn được giải thích như kết quả của những hành động cụ thể.

Có điều cũng nên thêm ở đây là thái độ muốn đứng ngoài cuộc tranh đấu để « suy tưởng triết lý » để nhìn một vật văn đề về con người trong một viễn tượng triết lý » làm cho chúng tôi nghĩ đến trường hợp những nho sĩ, cũng là văn nhân, trong thời kỳ thực dân đến đặt nền đồ hộ ở VN. Trường hợp cá nhân Nguyễn Khuyến chẳng hạn. Thị văn của ông, lúc trí sĩ, thể hiện sự mâu thuẫn—đúng hơn sự xung đột—trong con người ông; Ông không làm sao có thể thoát khỏi hoàn cảnh ông đang sống, cái hoàn cảnh mà trong đó ông có nhiệm vụ rất nhiều... Những bài thi « nhàn » của ông đượm « tình yêu nước » gặp hoàn cảnh, khiến lời càng mỉa mai, ý nhị. Điều này chứng tỏ rằng hoàn cảnh đã ly dị « tư tưởng » và « hành động » nơi con người ông, khiến thái độ của ông là thái độ của kẻ « đứng ngoài vòng tranh đấu mà đấu tranh ».

Trong công cuộc chống thực dân, có lắm người đứng bên lề cuộc tranh đấu dù rằng họ rất tán thành chính nghĩa ấy. Họ không có những kinh nghiệm « xương máu » nên khi nói đến vấn đề thực dân, họ chỉ nói được những cái gì họ ý thức nơi người chống thực dân. Tuy nhiên, nhờ thiện chí, cái ý thức kia có thể « gần » với sự thực và do đó có tác dụng như một sự đóng góp cụ thể vào công cuộc tranh đấu chung nhằm chấm dứt chế độ thực dân.

Trường hợp ông Nguyễn văn Trung như thế nào ? Phải đến lúc ông hoàn thành xong tác phẩm (3 quyển), mới khỏi có những nhận định sai lầm về ông. Chỉ biết rằng, ngay từ bây giờ, qua quyển đầu tiên, độc giả dành nhiều cảm tình cho ông và chờ đợi rất nhiều ở những quyển tiếp theo của ông.

Q.T.

(1) Tuy nhiên ở phần sau, mục « Chiêu bài và huyền thoại » quý độc giả cũng sẽ tìm được một giải đáp có tính cách hỗ trợ của chúng tôi.

(2) Đó cũng là đề mục những giảng văn của ông ở trường Đại học Văn khoa Saigon và đã được nhà xuất bản Nam Sơn in thành sách : « Lực Khá Văn học » Quyển I Những vấn đề tổng quát.

(3) Lý Chánh Trung. Ý thức Đạo Đức và bạo động trong lịch sử Đại Học 30

KỶ SAU :

Bạo-động của thực dân và Bạo-động trong lịch-sử

Nền y học hình thần

vậy phải kiên cố cho họ những cách tác động vụng về tới tâm thần họ.

Thử định nghĩa hình

thần bệnh lý

Sau khi trình bày những sự kiện trên đây, chúng ta thấy cách định nghĩa loại bệnh này rất khó khăn.

Nhận xét chung người ta nhận thấy học thuyết hình thần bệnh lý phải chấp nhận quan niệm con người có hai phần, một phần xác và một phần hồn. Tuy quan niệm về hồn và xác, về tinh thần và vật chất trong y học có từ lâu, nhưng nay được nghiên cứu lại với những sở kiến tân kỳ. Đối với người này thì hình thần bệnh lý ám chỉ những bệnh về hình thể có nguyên nhân tâm thần. Đối với người khác thì đó là trường hợp cấu kết phức tạp những yếu tố tâm thần với những yếu tố thể chất liên lạc nguyên nhân kết quả không, có tính cách cố định.

Cách định nghĩa đúng hơn cả là định nghĩa của Grinker năm 1953 :

« Hình thần bệnh lý là một cố gắng tìm hiểu toàn diện sự liên lạc giữa các bệnh diện hình thể, tâm thần, xã hội và văn hóa của người bệnh. Ngoài thực tế, danh từ hình thần bệnh lý không phải chỉ liên quan đến sinh lý và tâm thần bệnh học mà thôi, nó còn liên quan tới những khái niệm về các hệ thống khác của hiện tượng sinh hoạt và những phát hiện của hiện tượng sinh hoạt dưới hình thức xã hội và văn hóa. C.L.

(tiếp theo trang 15)

Mucchielli đưa ra một thuyết khác bệnh thần bệnh lý phát sinh là bởi trong tâm thần người ta phần ý thức không phản ứng ăn khớp với phần vô thức cơ sở tự động điều khiển (tạng phủ). Bình thường hai phần này phải phản ứng nhịp nhàng trước một hoàn cảnh, sở dĩ được như vậy là nhờ có một mối tiếp liên gọi là « protoconscience ». Sự tiếp xúc ấy thực hiện ở một mức sâu thẳm trong tâm thần, chỗ tiếp thần tiếp giáp với hình thể. Nếu ở mức ấy hình thể đặt trước hoàn cảnh cứ phản ứng theo những thể thức của nó mà tâm thần không nhận thức được hoàn cảnh đúng mức, phản ứng theo những thể thức riêng mâu thuẫn với hình thể chừng đó sẽ gây ra một chuỗi rối loạn thần lý.

Mucchielli khai thác những kết quả thí nghiệm của Pavlov. Theo Pavlov thì ý thức thực tế gây cho người ta một sự thích ứng với hoàn cảnh và loại trừ những phản ứng tai hại của phần vô thức trong tâm thần.

Giữa bệnh hình thần bệnh lý và tình trạng tâm thần có ảnh hưởng tương hỗ

Cố nhiên người bệnh, lúc bệnh

tinh trầm trầm trọng thì tâm thần tinh táo sáng suốt, phần khởi; và ngược lại bệnh thuyên giảm thì tinh thần xuống. Hiện tượng này hay xảy ra đối với những người mắc bệnh lao. Lại có những người bệnh lúc thì có những triệu chứng thuộc bệnh thần kinh, lúc thì có những triệu chứng thuộc hình thần bệnh lý.

Người ta có cảm tưởng rằng những triệu chứng bệnh ở hình thể ngăn cản được sự xuất hiện những triệu chứng trên bình diện tâm thần trầm trọng hơn. Người ta tìm hiểu bề sâu tâm thần người bệnh để giải thích hiện tượng này. Bệnh thuy giảm đặt ra cho tiềm thức người bệnh một vấn đề mới : sinh lực đã huy động thoát ra bằng đường lối bệnh, bây giờ đường lối ấy không còn, biết dùng để làm gì ?

Nếu ta để ý xem xét một người bệnh, ta thấy họ không còn nghị lực, cương quyết, can đảm như bình nhật, họ trở lại là một đứa con nít cần vỗ về, an ủi, chiều chuộng. Đó là hiện tượng « thoái trào » đã nói trên. Tâm trạng họ hầu như quên, hầu như « thích ứng » với hoàn cảnh ấy, nhất là phần tiềm thức của họ. Bây giờ bệnh thuyên giảm, phải trở về với trách nhiệm cuộc sống, phải chấm dứt thái độ con nít lúc còn bệnh. Đó cũng là một vấn đề phải giải quyết, và như

THỬ ĐẶT LẠI VẤN ĐỀ GIÁO DỤC

(tiếp theo trang 28)

● Cách mạng không chỉ diễn ra trên bình diện quân sự hay chính trị mà đủ. Một cuộc cách mạng lật đổ một chính thể, một chế độ, chỉ là mới trút bỏ bộ áo bên ngoài của một người ăn ở bẩn. Cần phải kỹ cạo thân thể nữa y mới trở nên sạch sẽ. Cho nên cách mạng giáo-dục phải đi ngay sau cuộc cách mạng chính trị và quân sự. Đập đổ một triều đại, không khó khăn bằng phá vỡ cả một hệ ý thức trong đầu óc con người, không khó bằng cải tạo cả một xã hội. Mà động lực làm hai việc sau, không thể trông cậy vào chính trị hay quân sự được nhiều, mà phải nhờ giáo-dục sẽ cho mọi người thấy chân lý, thấy đường hướng cách mạng nhằm đến, cái đích quốc gia dân tộc phải đạt tới là gì ? Phải làm thế nào cho người đi học không phải luôn luôn băn khoăn : học để làm gì ? liệu học xong có thể

muốn sinh nổi không ? Một nền học vấn thực tiễn và thực dụng mới có thể giải quyết điều lo lắng đó. Phải gọi tên nơi người đi học ý nghĩa : học không phải thi đỗ là đủ, mà phải có thực tài, và học không chỉ cho mình mà cho xã hội nữa. Mỗi người là một bánh xe nhỏ trong guồng máy đầy xã hội tiến tới. Một nền giáo dục chỉ có hiệu quả, khi nào đào tạo được những cá nhân có khả năng hoạt động trong xã hội, cùng người khác cải tiến xã hội. Do đó, giáo dục phải mang tính thần thực dụng và phổ quát.

Những ý kiến được các báo nêu lên, đóng góp không ít cho những người giữ việc soạn thảo chương trình học. Dự định của bộ Quốc gia giáo dục trong việc triệu tập một cuộc hội thảo để ấn định chương trình mới là một sáng kiến cần phát huy. Nhưng cũng nên chú ý đến việc nhận xét kỹ càng hoàn

cảnh xã hội hiện tại, những đòi hỏi cũng như những yếu điểm của học sinh, có thể nên nghe lớp học sinh nói về những băn khoăn của họ đối với việc học. Một việc làm như vậy sẽ có thêm nhiều kết quả tốt. Hiện nay nhiều người đã lên tiếng bàn đến nhiều khía cạnh trong vấn đề giáo dục, đó là một điểm đáng mừng và chắc chắn những đề nghị hay sẽ được những người hữu trách đề ý.

Chúng tôi hân hạnh được tiếp xúc với học sinh thường ngày, đề ý những ước mong của họ, sự tiến đến rien trong công việc học của họ, nên mạnh dạn nêu lên một số vấn đề góp thêm vào công việc mọi người đang làm một phần nhỏ. Trong một bài tới, chúng tôi sẽ đề cập đến chương trình học cũ một cách tổng quát, đề từ đó chúng ta rút ra những kinh nghiệm. Sau đó chúng tôi sẽ đi dần vào một số môn học trong chương trình. T.V.A

Tượng ngũ trên đường dốc

(tiếp theo trang 15)

đến những bóng đàn bà má hồng hây hây, thiếu nữ thơ ngây, bỗng tôi lại thắc mắc về con người hần sao lại hờ hững với chốn đầy khoái lạc, từ ngày tôi chỉ huy hần, tôi nhận ra hần rất ghét dịp nghỉ phép, anh em bảo hần đại hần chỉ cười phàn câu chê, riêng tôi lúc nào cũng nghi vấn, nhân dịp này tôi hỏi hần :

— Sao chú lại không thích nghỉ phép ?

Hần nói tôi trường trường, hần khẽ cười ngổ ngáo :

— Nếu nghỉ phép thì tôi không có đồ nhắm.

Tại ma cô vẫn chưa thể kinh tởm đến nỗi chỉ biết lấy gan, tim, tai, mắt người làm đồ nhắm, có lẽ hần đã trở thành ma-cà-rồng rồi chăng, hút máu người không biết kinh động, ý riêng tôi nên thủ tiêu hần, nhưng tôi chẳng dám, với lại hần rất lợi ích và là cột rường trong hàng ngũ chúng tôi. Tôi thấy nên kích động biến đổi tính hần khỏi man di như thế, tôi gián tiếp quyến rũ hần :

— Về thủ đô nhiều gái đẹp sao chú không về ?

— Lâu nay tôi đã ngán chuyện ấy rồi. Tôi thấy những chuyện nhẩy dù lặn trên trời xuống lại thú, hành quân mà được gặp tội chúng còn gì thú hơn ăn thịt chúng thú lắm trung sĩ ơi !

Dứt câu nói, hần cười há há khiến tôi phát rợn lạnh người nổi gai ốc, tôi phải kìm hãm tôi nằm yên để khỏi vùng dậy tránh xa hần, tôi sợ hần khao khát quá sẽ đâm tôi nhói, một lúc nào chưa biết chừng, đúng là ma-cà-rồng. Biết vậy tôi cố kích thích hần ngả lặn theo tình dục :

— Làm người phải có gái mới đáng kiếp, không có thì uống.

Hần hừ hừ, rồi giọng ồ ồ :

— Đừng làm nhảm cha. Tôi đâu còn thích chuyện ấy, tôi ghét cái trò yêu đương làng nhàng ấy. rồi nũng nịu, rồi hờn giận. Tôi, tôi thích nốc rượu hơn, tôi, tôi, tôi thích nhắm thịt.

Chúng không sợ oán à.

— Oán gì tội chúng. Chúng là loài vật mà.

— Chúng ta cần phải thương yêu nhau.

— Thương bằng nhất dao, bằng viên kẹo đồng mới vui. Trung sĩ coi, tội chúng bắt sống tội mình chúng có tha đâu, chúng đem làm thịt cho đau đớn anh em. Nay trung sĩ, tôi hứa với trung sĩ tôi sẽ làm cỗ chúng tội cùng.

Chúng tôi thôi nói chuyện, tôi nằm nhích xa hần một chút, tôi vẫn bị ám ảnh vì nhiều lời hần thốt ra làm tôi lo phấp phồng, tôi nghĩ đến một lần chúng tôi nhẩy dù xuống một khu rừng rậm chúng tôi đều bị mắc tòng teng trên cành cây phải lấy dao cắt dù, cuộc tấn công ráo riết truy kích dồn chúng đến nước bí, tuy địch liều chết mở đường máu chạy nhưng vẫn chịu thua phần chết, phần giơ tay hàng, sau chiến trận, tôi tưởng hần đã cũ, chúng tôi trở về mừng chiến thắng may sao lại đi qua đường cũ và gặp hần đang ngắc ngứ trên cây tay cầm chai rượu, miệng hần nghe ngao hát, chúng tôi gỡ hần xuống được biết hần đánh rơi con dao ngay từ phút còn trên không. Tuy gần gũi hần song tôi vẫn phông chừng hần dấu tôi nhiều chuyện, tôi nghĩ rằng hần không thể xa lánh đàn bà. Khoảng hai mươi phút sau, hần đã ngủ gáy khò khò. Tôi mơ màng với phong cảnh quê hương, tôi ước ao được trở về để cúi đầu hôn nắm đất chôn nhau cắt rốn của tôi. Trong màn tối sắp phủ xuống khu rừng tôi sống lại thời kỳ còn thiếu niên tôi ngồi trên mô đất ngoài đồng, tôi nhìn đêm bắt đầu đánh mất cảnh thợ gặt mệt nhọc khuôn gánh trên vai hai bó lúa chín vàng, rồi thỉnh thoảng tay quờ sợi giây dưa riều, nghe tiếng sáo kêu ro ro, và có khi ngủ quên đi bắt tội người nhà phải mất công tìm kiếm bông về nhà, cũng có khi bị trận đòn đau quắn đít vì tội xao nhãng công việc đồng áng để chạy nhẩy tìm bạn buộc mo cau đem bó trên cành cây làm tổ sáo bắt đàn sáo con.

Bỗng tiếng súng liên miên vang lên từ xa, chúng tôi được lệnh cấp tốc lên đường tiến đến chốn nguy hiểm, tôi nghĩ tội nghiệp đoàn quân lưu động như chúng tôi hành quân quá cực nhọc, tôi cứ hàng nghi vấn cục diện sẽ thế nào một khi chẳng may tôi ngã quỵ sớm, anh em sẽ nhìn tôi mà thương tiếc mạng sống của mình lẫn đồng bạn, lại cũng hỏi như tôi chiến tranh sẽ còn kéo dài đến đâu, sao phút chết của mình quá nhanh và quá đột ngột. kinh ngạc với cực đồng bằng đầu ngón tay út mang sức mạnh ghê gớm xuyên qua da thịt khoáy sâu trong người.

Chúng tôi tiến gần tới trận địa, hàng ngũ tách rời chia thành nhiều mũi dùi thốc vào ngang hông vị trí địch ngăn chúng thành hai khu nhỏ rồi tĩa dần, sức mạnh của chúng tôi phụ giúp tiểu đoàn lục quân làm hàng ngũ địch rối loạn, chúng hối hả rút lui, chạy thực mạng từng tên. Tiểu khu của địch bị đạn móc chẻ cây khoét bung đất, làm nhiều túp lều đổ lổn nhổn, chúng tôi bắt được 13 tên, còn ngoài ra chết quá sá, chúng tôi cũng hao hụt khá nhiều anh em. Ông tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn lục quân cùng với viên thiếu úy của tôi đang chấp tay sau đít đi kiểm soát chiến địa. Mục tiêu còn kéo dài nữa, và chúng tôi lại phải đóng quân gần chốn bầy mũi tử khí. Số tù binh sẽ được chuyển giao sang bên lực quân canh giữ, mười ba tên run sợ trước mũi súng, quần áo chúng đen, vài tên đeo mũ lá, ngoài hai tên hơi mập còn đều gầy cả. Bàn bỗng từ đâu tiến đến trước viên thiếu úy hỏi :

— Thừa thiếu úy, thiếu úy cho em một cái mặt.

Nói hết câu, hần khẽ nười khề khề. Viên thiếu úy nhún vai :

— Không được, mày làm tao sẽ bề mặt với bọn chúng.

— Thiếu úy không tặng em lúc này, thì đêm nay em cũng xin thiếu úy.

Viên thiếu úy như nghĩ thế nào mà giây lát sau nói :

— Thôi đấy, tùy mày.

Hần trợn mắt bước dọc với đàn tù ngó kỹ càng một lượt, rồi hần cười độc địa rút dao ra đâm một cách nhanh chóng vào hai bên sườn

tên địch mập nhất moi ra miếng mỡ nều nhều đưa lên miệng nhai, rồi lấy chai rượu nốc ngậm lớn hết một phần ba chai. Trông hán hành động ôi thấy xúc động đã tỉnh rút súng bắn cho hán một viên trước khi hán giương dao đâm tên kia. Tôi nhìn 12 tên địch tôi thương xót, nói thầm :

— Cũng may cho chúng mày nhỏ con. Nếu béo chưa biết số phận chúng mày sẽ ra sao.

Qua thoáng chốc, tôi nhìn bộ mặt anh em đều giữ vẻ lạnh lùng tôi tự hỏi trái tim họ đang nói gì, họ có cảm xúc cảm cảnh không ? Tôi buồn rầu thầm. Chúng ta diệt trừ quân thù, song chúng ta phân vân với việc giết chóc này sao ?

Số tử được chuyển khuất mắt tôi, tôi nghĩ nếu viên thiếu úy không chiều Bân, rồi không biết đêm nay sẽ xảy ra thế nào, chắc hẳn sẽ tìm đến tiểu đoàn

lục quân (ông đóng gần đây để tìm mồi và không kh) lại để cho chúng trốn thoát. Chúng tôi tạm nghỉ. Tôi có đóng mắt ngủ. Bỗng tôi thức giấc vì một tiếng nổ kinh khủng dội lên, tôi vội bò ngòm dậy nhìn anh em, chúng tôi chỉ nhìn nhau thoáng chốc rồi ôm súng mò đi. Chúng tôi đang phấp phồng lo âu quân địch bao vây nghĩ không biết thoát chết qua đêm nay chăng, thì chúng tôi được tin anh em canh phòng báo tin Bân chết vì một quả mìn do hán vô tình đạp lên, tôi thở nhẹ nhàng nhìn đồng đội tự hỏi tâm tư họ biến động hoặc mừng hoặc buồn thế nào, còn riêng tôi, tôi thương tiếc một sự mất mát hơn là mừng khỏi phải chống đỡ nguy nan, tiếc hẳn đã cùng chúng tôi trải qua bao giây phút hồi hộp lo lắng cùng buồn vui, và giây phút này tôi liền nhớ lại những suy tư về hành vi quấy của hán và bao lần đã tính đồ lên người hán một hình phạt song tôi lần nào cũng lưỡng lự chưa dám thi hành bởi tôi

tưởng tới sự quyến luyến giữa anh em. Tôi tìm tới chỗ xác hán, tôi đoán rõ rệt là quả mìn tự động nổ khi ai vô ý đụng chạm, và quả mìn ấy có lẽ địch. Chưa kịp mang theo, hay chúng đã đặt kịp ngay sau khi rút lui với ý định tĩa hao mòn lực lượng chúng tôi, tôi vụt nhớ lại hồi thiếu niên tôi đã được minh chứng cuộc trận giã ở làng, lần đầu tiên tôi trông thấy mình nhận mặt những thứ khí giới tàn sát. Cúi nhìn gương mặt méo xệu bất động, tôi ngó mau và xét kỹ mọi gương mặt căm mắt xuống xác chết, tôi buồn thầm tưởng tới giờ phút cuối của số phận họ, đứng lúc lâu nữa, tôi ra lệnh biểu anh em khiêng xác hán, tôi khử cử động môi : Vĩnh biệt ! Hết một mạng... Tôi không biết nói tiếp theo gì nữa, xét may hay không may cho tôi phải hành động trừ khử hẳn nếu hán còn tiếp tục sát cánh bên chúng tôi. Vĩnh biệt !

ĐOÀN NHỮ HIỆP

THUNG LŨNG NGƯỜI ĐI

(tiếp theo trang 16)

khô, có một dấu chân có vẻ tách rời ra trên đường mòn có dấu đã nhắc lại cho chàng kỷ niệm về người thiếu nữ. Chàng chăm thuốc hút. Rồi vứt cây điếu xuống dấu chân. Nơi đó có một ít rêu nên rêu bắt lửa ngay. Lá khô chung quanh bén lửa dần dần từng lá rồi tất cả một loạt. Mãn chẳng nghĩ đến dập tắt đám cháy nhỏ bé này trông giống như những đám cháy giữa mùa xuân cố ý gây ra để diệt trừ cỏ. Nhưng lúc đó, một thân cây khô nằm trong cỏ phừng phụt cháy như cái mồi lửa, Thung lũng từ gần ra xa bị tiêu tan hoàn toàn.

Trong nhiều mùa hè Mãn kiên nhẫn đến sống lại mỗi chiều một hay hai giờ trong thung lũng chết kia. Chàng ngồi trên một gốc cây cháy và trầm ngâm. Thật là một điều chúng ta không tưởng nổi giữa thế kỷ này và cả anh cả tôi ít khi làm thế. Cái khó hơn cả là khởi sự. Phải theo dõi trên cạnh ngọn cỏ cách đi chuyển của một con bọ tưởng tượng, tưởng tượng thôi. Con bọ leo lên chậm chậm cho đến mức cuối cùng ngọn cây. Rồi nó bay đi, lên cao và ta thấy cả một bầu trời lớn hơn cả bầu trời thế giới với hàng nghìn chi tiết mới lại Chính thế mới là suy tư.

Rồi một buổi chiều tháng sáu, khi Mãn mãi suy tư, thì đoàn lũ hành lại xuất hiện. Nàng thiếu nữ không có trong bọn và Mãn ngắm nhìn đoàn người di-cư hướng dọc theo con sông mà không thể không cúi ngời. Chàng đứng

dậy bỏ đi. Bỗng chốc chàng bắt gặp người con gái. Nàng chạm chân một chút vì còn buộc dây giày. Nàng đứng gần một bên chỗ cũ, nơi mà mấy năm trước Mãn đã ngỡ tìm thấy lại vết chân nàng.

Mãn ngắm nhìn lâu khuôn mặt đẹp chềnh chềnh, nhưng chàng không bắt chuyện mà lại tiếp tục bước đi. Nàng có đề ý sự có mặt của chàng không nhỉ ? Và có hy vọng gì để nàng nhận ra được chàng không ?

Mãn đi về phố như một con người máy. Có người kể lại rằng người con gái bỗng nhiên thắng người dậy và cũng như cái máy bước theo chàng và cả hai lại gặp nhau cùng sống êm đềm. Nhưng chẳng bao giờ nói với nhau. Còn tôi là một thằng thích nói nên tôi ngạc-nhiên vô cùng bạn ạ.

ANDRÉ DHOTEL

(B.I. dịch)

TRẢ LỜI GIẢI TRÍ (trang 23)

— Trích ở tác phẩm nào đây ?

1 — Gia đình, 2 — Hồn bướm mơ tiên, 3 — Đẹp, 4 — Những ngày vui.

— Bạn còn nhớ chăng ? —

Tự Lực Văn Đoàn : Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Thế Lữ, Tú Mỡ, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Xuân Khoát...

MODIGLIANI

(Tiếp theo trang 12)

thật lâu, từ cánh tay, bắp chân, bộ ngực nhưng Modigliani đã bắt bình bỏ đi ra — « Moi, monsieur, je n'aime pas les jesses. » Chàng không thích thế, chàng không thích những tranh khỏa thân tươi mát của Renoir. Tranh khỏa thân của chàng phải sống, phải mang ít nhiều dục tính.

Những ngày ở Cagnes, chàng cùng Soutine, Foujita (Foujita là họa sĩ Nhật nổi tiếng hiện còn sống ở Pháp, cũng như Picasso.) đi vẽ, chiều lại mang tranh về cho Zbo đi gạ bán cho đám du khách vùng Côte d'Azur, nhưng không bán được bức nào. Thiếu tiền nhà họ phải về Paris, để lại tranh cho người chủ nhà (sau này lão đã bán tranh của 3 họa sĩ hàng triệu quan). Trở về Montparnasse, Modigliani lại bị crise nặng vì sự cô độc mà chàng đã cố quên ở Cagnes. Nhưng không bao lâu như một ánh sáng đã chiếu vào lòng chàng một thiếu nữ hoàn toàn trong trắng đã hiện đến — một mối tình trong sạch nhưng lại quá gần gũi với người con gái lần đầu biết yêu và một chàng đã phong sương quá nhiều. Nàng tên Jeanne Hébuterne, con một gia đình khá giả như chàng, gương mặt thật dịu hiền và bầu bĩnh, người ta gọi nàng là « Haricot ». Đó là một thiếu nữ trung hậu và đôi khi rất đẹp (C'était une brave fille, et parfois, elle était aussi très belle) như họa sĩ Kisling bạn chàng đã tả. Nàng còn quá trẻ, say mê nghệ thuật, nàng đã đi học vẽ, nàng đã bị mê hoặc bởi nét vẽ hào hoa bạo dạn của Modigliani. Tuy bị gia đình ruồng bỏ nàng vẫn hy sinh về sống với chàng trong căn phòng tồi tàn ở đường Grande chaumière. Ở Paris, người ta lại thấy Modigliani hí hửng cặp tay người vợ trẻ đi dạo phố thật hạnh phúc. Chàng không còn tìm ma-túy, không uống rượu chàng làm việc dưới đôi mắt dịu hiền của vợ. Jeanne đã đem đến cho chàng Niềm Tin. Chàng vẽ Jeanne với tất cả sự dịu dàng thông minh (avec toute la douceur intelligente) trong những bảo tàng viện ngày nay nàng đã vĩnh viễn dưới đường nét đa tình âu yếm của chàng. Những tác phẩm cuối cùng,

những tác phẩm tuyệt vời nhất, độc đáo nhất của chàng đều ca ngợi vẻ đẹp thủy mị của Jeanne; đều mang tên Jeanne.

Ngày 19 tháng 11-1918 là ngày đưa con đầu lòng của Modigliani và Jeanne ra đời: Đứa bé mang tên Nannoli Jeannette. Cũng trong năm đó chàng bày tranh ở Galerie Berthe Weil được các nhà phê bình danh tiếng hết sức ca ngợi. Lúc danh vọng đã đến là lúc chàng kiệt lực. Một buổi tối đầu mùa đông năm 1919 chàng vui mừng đến quán Rotonde hành diện báo tin cho các bạn biết vợ chàng vừa có mang một đứa con thứ hai. Nhưng nỗi vui mừng tràn ngập đó sẽ không bao giờ đến với chàng nữa. Vào tháng giêng năm 1920 tại đường Tombe-Isoire ở Denfert-Rochereau người ta thấy Modigliani cùng mấy người bạn ngồi trên một chiếc banc dài, trong đêm lạnh buốt. Ngày hôm sau chàng bị lâm bệnh nặng và mấy người bạn đã chôn chàng vào nhà thương Từ thiện (l'Hôpital de la Charité) người bạn chàng, Ortiz de Sarat kể lại với André Salmon: trước đó mấy ngày Modigliani đã bình tĩnh nói: « Mày biết, tao không còn trí óc gì nữa cả. Tao cảm thấy như thể là hết rồi. » (Tu sais, je n'ai plus qu'un petit morceau de cerveau. Je sens bien que c'est la fin.) và trên đường đến bệnh viện chàng đã nói: « Tôi đã hôn vợ tôi — mang nàng theo, đó là một dịp tốt, chúng tôi cùng hưởng chung một Hạnh Phúc muôn đời » (J'ai embrassé ma femme. Emmène-la, c'est le bon moment. Nous sommes d'accord pour une joie éternelle).

Bệnh tình của chàng đã đến hồi tuyệt vọng, các bác sĩ đều vô phương cứu chữa, chàng chỉ còn lại một thân xác mà hơn một lần bao nhiêu thứ bệnh đã xua đến hành hạ chàng cả thân thể gầy guộc của chàng vì những ngày đói rách. Mỗi chàng chỉ còn mơ được để mấp máy mấy chữ cuối cùng « Cara, Cara, Italia ». Trước khi từ trần đến rước, chàng còn gọi về quê hương thân yêu ở phía sau dãy núi Alpes, chàng còn nghĩ đến thời thơ ấu ở Livourne, ở Florence.

Modigliani chết tại nhà thương ngày 15 Janvier 1920. Chưa đầy 36

tuổi. Khi hay tin chồng chết Jeanne với đứa con thứ hai mang trong lòng, với gương mặt còn trẻ nhưng đã tiêu tụy, tóc còn buông xòa của ngày nào, lăn xả vào khóc nức nở. Nàng dỡ tấm khăn phủ mặt ra, hôn vào môi chàng lần cuối cùng. Các bạn chàng không bao giờ quên tiếng thét tuyệt vọng đó. Nàng không đến nhà bảo sanh mặc lời khuyên của Zborowski sợ nàng sảo thai. Nàng trở về nhà cha mẹ. Gia đình im lặng mở cửa cho nàng bước vào. Không đợi cho cha mẹ có thì giờ bàn tán, nàng đến mở tung cửa phòng khách; Nhìn xuống đường, thiên hạ vẫn vô tình qua lại. Rồi một tiếng thét vang lên. Jeanne đã nhảy qua cửa sổ từ tầng lầu thứ năm với đứa con sắp ra đời. Thật thảm thiết. Nàng đã nhớ lời nói của chàng khi sắp chết: « Nous sommes d'accord pour une joie éternelle ».

Cách sau chồng một ngày, nàng đã tự tử chết theo. Tại nghĩa địa Père-Lachaise chàng và nàng đã nằm chung trong một phần mộ trắng sát mặt đất, mà mỗi năm, nhằm ngày 15 Janvier người con gái bất hạnh còn lại trên đời mang theo một bó hoa đến khóc sụt sùi trước mộ hai người thân yêu nhất đời đã vĩnh viễn cùng nhau về cõi Thiên-Đàng.

Chàng đã đến Paris hào hoa, đã sống cuộc đời khốc liệt ở Montmartre, đã yêu đương thần thánh và đã chết một cách đau thương. Chúng ta thấy ở chàng một định mệnh thật bi thảm và trắng lệ.

ĐÌNH CƯỜNG

Qua những sách của :

André Salmon: Modigliani, sa vie et son oeuvre. Ed. des Quatre-Chemins Paris 1926.

André Salmon: La Vie passionnée de Modigliani. Roman, Pierre Seghers, Paris 1956.

François Carco: De Montmartre au Quartier-Latin.

Albin Michel, Paris 1927.

Albert Skira: Modigliani. Paris 1958.

Nhắc thêm :

Cuộc đời của Modigliani đã được quay thành phim do Gérard Philippe đóng.

Hiện ở nhà sách Xuân Thu đang bày quyển « Modigliani sans légende » của Jeanne Modigliani viết.

S. O. A. E. O.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE & D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

245, Vithei préah Bat Ang-dương — PHNOM-PENH (Cambodge)

2, Rue Nguyễn-Trường-Tổ — SAIGON

USINE A SAIGON

*



PRINCIPALES VENTES : Gaz : Oxygène comprimé — Acétylène dissous — Air comprimé — Protoxyde d'azote — Argon — Gaz carbonique — Appareils et accessoires de soudure.

PRINCIPALES APPLICATIONS : Soudage oxyacétylénique — Oxycoupage — Décapage — Métallisation — Soudage électrique à l'arc, en atmosphère d'argon, sou flux — Anesthésie — Oxygénothérapie

FABRICATIONS : Oxygène — Acétylène — Gaz carbonique.

NOTRE SERVICE TECHNIQUE EST VOTRE DISPOSITION



Nước-ngọt
CON-COP
NGON NHÚT
水·汽·喝·虎·的·甜·香·最

SOYEZ PRUDENT

POUR VOUS

POUR LES AUTRES

CONDUISEZ SAGEMENT

SURVEILLEZ VOS ENFANTS

ATTENTION AU FEU

TOUS LES JOURS, VOUS POUVEZ ÊTRE VICTIME D'UN ACCIDENT, D'UN INCENDIE VOS MARCHANDISES PEUVENT SOMBRER. LA MORT, L'INFIRMITÉ, LA RUINE VOUS GUETTENT

MAIS L'ASSURANCE VOUS PROTÈGE

UN PEU DE PIASTRES, ELLE ÉVITE DE FAIRE DE VOUS UN HABITUÉ DE L'ASSISTANCE, UN MENDIANT, ET DES VÔTRES DES MALHEUREUX

ASSUREZ VOUS

SERVICE PRÉVENTION — COMITÉ DES SOCIÉTÉS D'ASSURANCES



VIRGINIE

GIÁ : 10\$
CÔNG-SỞ : 20\$

In tại PHỒ-THÔNG 531, Trần-hưng-Đạo Sg. Đ.T : 23821
Kiểm duyệt số 349 — ngày 17-4-64

Chủ-nhiệm : HOÀNG-MINH-TUYNH
Giám-đốc chính-trị : HUỖNH - VĂN - LANG

<https://tieulun.hopto.org>

Hành trình vào tác phẩm...

(xem tiếp trang 10)

một «thắc mắc» nữa — một hoài nghi thì đúng hơn: Đó là «những lời tỏ bày của tác giả (những dòng đã trích) phải chăng cũng là «huyền thoại», tác giả tạo ra nhằm biện chính lời tuyên bố công cuộc chống thực dân hoàn thành?»

● Về điểm thắc mắc thứ nhất, chúng tôi không đợi tác giả trả lời mà tìm kiếm trong tác phẩm của ông, nhất là trong những bài ông đã viết trước đây liên quan gần xa đến vấn đề thực dân để tìm một giải đáp tạm thời. Trong công việc này chúng tôi lưu ý đến hai bài: Một bài nhan đề là «Người vong bản trí thức» đăng trên Tạp chí Đại học số 27 tháng 6-1962 và một bài khác, nhan đề «Độc những kẻ trầm luân ở trần gian của Frantz Fanon» đăng trên tạp chí Bách khoa số 138 ngày 1-10-1962 (1)

Trong bài «Người vong bản trí thức», tác giả viết:

«Vết một dân tộc tự cho là đã thanh toán xong chế độ thực dân trên đất nước mình, đem chuyện thực dân ra bàn phải chăng là một việc lỗi thời. Vấn đề đã xong rồi, còn nói đến làm gì nữa? (...) Nhưng có phải thực sự chế độ thực dân đã chấm dứt, vấn đề thực dân đã cáo chung trong cái nghĩa toàn diện của nó? Không. Nên độc lập mà chúng ta coi là bằng chứng cho sự cáo chung chủ nghĩa thực dân thực ra mới chỉ chấm dứt sự có mặt của những người ngoại quốc trong vai trò ông chủ mà chính sách thuộc địa đã tạo cho họ trên đất nước ta. Những cơ cấu chính trị kinh tế của thực dân chưa được thay đổi sửa chữa một cách triệt để và nhất là tâm tình, nếp sống của con người thuộc địa xưa có thể nói hầu như hãy còn nguyên vẹn. Sự tranh đấu giành lại chủ quyền quốc gia chỉ đích thực khi bao hàm một dự định thay đổi triệt để chế độ chính trị xã hội. Nói cách khác, trong phong trào giải phóng dân tộc, cuộc cách mạng chính trị phải được kèm theo một cuộc cách mạng xã hội. Không có cách mạng xã hội, sự thay đổi chính trị dần dần sẽ chỉ còn là một lừa bịp.»

Khi viết «Độc NHỮNG KẺ TRẦM LUÂN Ở TRẦN GIAN của FRANTZ FANON» tác giả cũng ấn định tương tự:

«Chưa đầy 20 năm, chủ nghĩa thực dân trước đây ngự trị trên ba phần tư trái đất ngày nay đã gần cáo chung. Nhiều nước đã thanh toán xong. Nhiều nước còn đang thanh toán (...). Phong trào chống thực dân xuất hiện như một phong trào giải phóng dân tộc đồng thời nó cũng có nghĩa như một sự vùng lên của người da vàng, da đen chống lại người da trắng. Sự nghiệp giải phóng này phải qua hai giai đoạn:

1- Cướp chính quyền, tranh đấu đòi lại độc lập chính trị;

2- Xây dựng một quốc gia mới, kiến thiết xã hội, cải tạo cơ cấu hành chính...»

Tất cả những nước mà bây giờ người ta gọi là «đệ tam thế giới (tiers monde)» đều hãy còn đang ở một trong hai giai đoạn giải thực đó. »

Và tác giả ghi lại nhận định của Frantz Fanon như một sự đồng tình «*Khi lá cờ thực dân bị kéo xuống, khi người lính và ông thầy cai trị cuối cùng đã xuống tàu về nước, như thể không có nghĩa là xong chuyện đâu (...)* Trong hàng thế kỷ, thực dân đã ở nước thuộc địa như những phạm nhân chiến tranh chính cống. Lưu đày, chém giết, cưỡng bách làm việc... đó là những phương tiện hằng ngày dùng để vơ vét ăn cướp của cải, tài nguyên thuộc địa (...) Âu châu đã giàu có nhờ thuộc địa: tài nguyên, sức cần lao của mới, của người thuộc địa...»

Qua hai bài mà chúng tôi lưu ý đó, chúng tôi thấy tác giả, trong quá trình tư tưởng, riêng về vấn đề thực dân, đã có những nhận định dứt khoát, phù hợp với những nhận xét sau của chúng tôi:

1— Công cuộc giải thực không dừng lại khi thực dân xuống tàu về nước;

2— Giai đoạn «máu người dân thuộc địa và máu thực dân hòa nhau» chấm dứt, chuyển qua giai đoạn «mở mắt của người bản xứ» hay có thể là «xương máu giữa những người dân bản xứ» cũng nên. Trường hợp VN ở trong giai đoạn thứ hai này?

3— Trong giai đoạn thứ hai nhằm thay đổi tất cả cơ cấu xã hội, kinh tế do thực dân để lại, người trí thức được chiếu cố vì nhiều lý do. Một trong những lý do đó là nước nhà cần chuyên viên mà họ thì phần lớn «vong bản» Bài «Người vong bản trí thức» nhằm tố cáo điều này:

«*Tình trạng vong bản thấm nhiễm một cách đặc biệt tại tầng tầng vào một lớp người gọi là trí thức.*»

«Họ là người mà thực dân cần đến để làm lớp người trung gian cộng tác với họ. «Thực dân cho những người đó ăn học và chia xẻ một ít quyền lợi bóc lột của đồng bào họ (...) khốn nỗi, một dân tộc mới giành được chủ quyền, càng cần chuyên môn, công chức mà họ là thành phần được ăn học, để đảm đương những chức vụ đó cho nên họ có thể dễ dàng giữ nguyên địa vị quyền lợi cũ và dè dặt không có thể có điều kiện lên cao, kiếm lợi nhiều hơn nữa trong hoàn cảnh «độc lập» Từ địa vị phụ tá thực dân, họ bước lên địa vị lãnh đạo thời «độc lập», thay thế cho những chủ thực dân của họ. Nhưng họ lãnh đạo với tâm tình kẻ mất nước, nghĩa là không có một ý thức quốc gia gì nên không thể thực hiện những đòi hỏi chính đáng của một phong trào giải phóng dân tộc đích thực (...) Lý do sâu thẳm tấn bi kịch ở những nước mới dành độc lập là để cho những người đó nằm cương vị lãnh đạo.»

4— Trong giai đoạn thứ hai của công cuộc giải thực, ngoài việc giải thực ngay nơi bản thân của người thuộc địa cũ, người dân nước mới «độc lập» còn phải đương đầu với những hình thức thực dân mới. Tác giả, trong tác phẩm

(1) Cả hai bài này đều được đăng lại trong Nhân định III của tác giả, do Nam Sơn xuất bản 1963.